

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO MỚI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: **QUẢN LÝ XÂY DỰNG (Construction Management)**
Mã ngành đào tạo: **7580302**
Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**
Loại hình đào tạo: **CHÍNH QUY**
Khoa quản lý: **KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH**

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Trường Đại học Tôn Đức Thắng

1.1.1. Hoạt động đào tạo

Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) thành lập theo Quyết định 787/TTg-QĐ ngày 24/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ. Trường được Liên đoàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh sáng lập, đầu tư và quản lý. Mục tiêu thành lập Trường trong giai đoạn đầu là: thực hiện Chương trình 17/TU và Chỉ thị 13 của thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho giai cấp công nhân thành phố; phát triển nguồn nhân lực cho nhu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá; góp phần đào tạo nhân tài, nhân lực, thực hiện nghiên cứu để phục vụ hệ thống sản xuất, xã hội ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.

Là một đại học đa ngành, Trường Đại học Tôn Đức Thắng hiện đang đào tạo 40 ngành/chuyên ngành trình độ đại học, 18 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (bảng 1.1):

Bảng 1.1: Thống kê quy mô đào tạo năm 2022 của Trường Đại học Tôn Đức Thắng

STT	Trình độ đào tạo	Số ngành/ chuyên ngành	Qui mô	Tốt nghiệp	Tỉ lệ có việc làm trong vòng 1 năm
1	Đại học	40 ngành	26.500	4379	99% - 100%
2	Thạc sĩ	18 ngành	266	76	
3	Tiến sĩ	6 ngành	36	0	
Tổng cộng			26.876	4.603	

Trên cơ sở chất lượng giáo dục và khoa học-công nghệ theo chuẩn quốc tế, nhiều trường đại học trên thế giới có nền giáo dục đại học phát triển đã công nhận kết quả đào tạo đại học, sau đại học của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và triển khai liên kết đào tạo đại học, sau đại học với Trường dưới nhiều hình thức.

Tính đến năm 2023, Nhà trường đang triển khai hơn **10 chương trình liên kết đào tạo bậc Đại học** (cấp song bằng hoặc đơn bằng hình thức 3+1, 2.5+1.5 hoặc 2+2). Tất cả các đối tác liên kết đều là các trường có uy tín về chất lượng giáo dục tại các nước tiên tiến như Trường Đại học La Trobe (Úc), Trường Đại học West of England, Bristol (Anh), Trường Đại học Khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan), Trường Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc), Trường Đại học Tomas Bata (CH Séc), Trường Đại học Taylor's (Malaysia). Các ngành liên kết đào tạo đều là các ngành nghề có nhu cầu xã hội cao về nguồn nhân lực như Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật điện – điện tử, Kinh doanh quốc tế. Trong giai đoạn 2018-2022, mặc dù tình hình dịch bệnh COVID-19 gây nhiều khó khăn, tuy nhiên trường đã đưa gần **263 sinh viên đi học chương trình liên kết đào tạo bậc đại học** chính quy giai đoạn 02 ở nước ngoài.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phải đối mặt với những áp lực về tài chính, về yêu cầu đảm bảo chất lượng, về sự đa dạng hóa đối với giáo dục đại học ngày càng tăng, sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường Việt Nam cũng như trong khu vực và trên thế giới, Nhà trường luôn phải khẳng định được chất lượng đào tạo của mình, định vị thương hiệu của mình trong việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho thị trường lao động (trong nước cũng như trong khu vực). Vì vậy, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã chủ động lên kế hoạch và thực hiện công tác kiểm định theo các bộ tiêu chuẩn chất lượng quốc tế như AUN-QA, FIBAA, HCERES. Tính đến hết tháng 4/2023, Trường đã có **15 chương trình đào tạo** đạt chuẩn kiểm định AUN-QA và **04 chương trình đào tạo** thuộc khối kinh tế xã hội đạt chuẩn kiểm định FIBAA. Trong năm 2023, Nhà trường đang xây dựng kế hoạch để thực hiện việc **tái kiểm định chất lượng Nhà trường theo tiêu chuẩn HCERES và kiểm định mới Nhà trường theo tiêu chuẩn FIBAA**. Cụ thể, trong tháng 5/2023, Nhà trường đã tiến hành kiểm định **9 chương trình đào tạo theo chuẩn ASIIN và 7 chương trình đào tạo theo chuẩn FIBAA**. Tất cả các chương trình đào tạo còn lại của Trường đều đã được rà soát, cập nhật và có kế hoạch kiểm định theo các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

Qua 26 năm hình thành và phát triển, với mục tiêu phát triển thành một đại học đẳng cấp quốc tế và là trung tâm khoa học-giáo dục lớn của quốc gia và khu vực, hiện nay TDTU được xếp hạng TOP 500 trường đại học tốt nhất thế giới theo THE World University Rankings; đạt vị trí thứ 73 Châu Á theo THE Asia University rankings 2022; và được xếp vào TOP 100 đại học trẻ tốt nhất thế giới theo THE Young University Rankings. Năm 2018, Hội đồng cấp cao về kiểm định nghiên cứu và giáo dục Cộng hòa Pháp (HCÉRES) kiểm định và công nhận đại học đạt chuẩn đại học Cộng hòa Pháp (và cũng là đạt chuẩn Châu Âu). Năm 2023, Trường Đại học Tôn Đức Thắng được tổ chức Quacquarelli Symonds xếp ở vị trí thứ 138 trong tổng số 760 đại học tốt nhất Châu Á được xếp hạng. Theo hệ thống đánh giá Times Higher Education (THE), năm 2023, Trường Đại học Tôn Đức Thắng được xếp vào Top 500 đại học tốt nhất toàn cầu. Đây là năm thứ hai liên tiếp Nhà trường được xếp vào Top 500 của bảng xếp hạng THE này và là một trong hai trường đại học duy nhất của Việt Nam nằm trong Top 500.

1.1.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học-công nghệ của Trường Đại học Tôn Đức Thắng phát triển cả về lượng và chất; đem lại nhiều thành quả vượt bậc, nâng cao uy tín khoa học của Trường trong và ngoài nước.

Kết quả nghiên cứu khoa học của Trường, được công bố dưới dạng các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc Danh mục ISI/ Scopus, đã tăng trưởng hằng năm hầu như theo cấp số nhân trong giai đoạn trên. Với chính sách phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học đúng tiêu chuẩn quốc tế, Trường đã có số lượng công bố quốc tế vượt xa nhiều đại học lớn trong nước và khu vực. Hiện nay, tổng số bài báo công trình khoa học theo WoS của Trường là 10.187 bài so với giai đoạn năm 2008 - 2017 chỉ có 888 bài.

Là trường đại học đầu tiên và duy nhất hiện nay của Việt Nam được Cục sáng chế và nhãn hiệu thương mại Hoa Kỳ (United States Patent and Trademark Office - USPTO) cấp Bằng sáng chế khoa học công nghệ. Đây là một thành tựu rất quan trọng không chỉ đối với Trường, mà còn rất có ý nghĩa đối với nền khoa học nước nhà; bởi vì tính từ năm 1975 đến nay, cả nước mới có 102 Bằng sáng chế Mỹ do Việt Nam đứng tên chủ sở hữu, trong đó có 15 bằng sáng chế là của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Tôn Đức Thắng (FOSTECT) được thành lập từ năm 2013. FOSTECT tổ chức triển khai thông báo các hoạt động tài trợ, hỗ trợ hàng năm nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa

học công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học công nghệ để nâng cao uy tín khoa học của Trường, góp phần vào sự phát triển khoa học công nghệ phục vụ đào tạo và kinh tế - xã hội của đất nước. Đến thời điểm hiện tại, FOSTECT đã tài trợ cho tổng cộng **102 đề tài** với các chủ nhiệm đề tài đến từ nhiều nước trên thế giới và **41 đề tài cấp cơ sở** tính đến năm 2023.

Nhà trường có **2 tạp chí khoa học**: Tạp chí Thông tin và Viễn thông (JIT) đã được liệt kê trong cơ sở dữ liệu Scopus vào tháng 05/2021 và cơ sở dữ liệu Web of Science (Mỹ) vào tháng 06/2021. Tạp chí Công nghệ tiên tiến và Tính toán (JAEC) được xuất bản định kỳ và tiếp tục lộ trình vào cơ sở dữ liệu Web of Science và Scopus. Tính cho đến nay tổng số bài báo của **JIT là 176 bài báo khoa học và 129 bài báo của tạp chí JAEC**. Sự ra đời của 2 tạp chí tiếp tục tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu Việt Nam công bố thành quả nghiên cứu ra quốc tế, cũng như mang những thành tựu nghiên cứu mới nhất của thế giới trực tiếp đến với Việt Nam. Đây là chủ trương mới, có tính đột phá để sớm nâng tầm hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường nói riêng và các trường đại học Việt Nam nói chung, bắt kịp xu hướng thế giới.

Để đầu tư cho nghiên cứu khoa học, Nhà trường quyết định hình thành các Nhóm nghiên cứu mũi nhọn để có thể tiến hành hoạt động nghiên cứu theo chuẩn quốc tế. Sau khi tạo ra sản phẩm, các nhóm nghiên cứu này sẽ củng cố nhân lực nghiên cứu viên còn lại trong Nhóm, đồng thời các Nhóm này tiếp tục hỗ trợ đào tạo thực tiễn nghiên cứu cho giảng viên, chuyên gia khác trong Trường. Đến nay, Trường đã có tổng cộng **27 nhóm nghiên cứu** trong các lĩnh vực khác nhau; trong số này có các trường nhóm là các nhà khoa học hàng đầu ở Việt Nam và các nhà khoa học được xếp hàng đầu thế giới với hàng trăm công trình.

Hướng tới trở thành trường đại học có hoạt động khoa học-công nghệ chuẩn quốc tế, Trường tập trung đầu tư liên tục các phòng Lab trọng điểm để có đủ điều kiện làm việc cho các giáo sư, nhà khoa học, chuyên gia cao cấp trong nước và ngoài nước. Việc đầu tư hệ thống hạ tầng phục vụ nghiên cứu được thực hiện thường xuyên với cơ sở vật chất, thiết bị, tài nguyên phục vụ nghiên cứu luôn cập nhật và hiện đại hóa với các phòng thí nghiệm chuyên sâu như phòng thí nghiệm Cơ xương, phòng thí nghiệm Quan trắc môi trường, phòng thí nghiệm Dược, Hệ thống tính toán hiệu năng cao, phòng thí nghiệm thực hành của Colorcon, phòng thí nghiệm chuyên sâu về Vi sinh, phòng thí nghiệm Di truyền và Công nghệ hạt giống, phòng thí nghiệm Nuôi cấy mô, phòng thí nghiệm Công trình có

thiết bị chuyên sâu để nghiên cứu kết cấu, phòng thí nghiệm Máy điện... Hiện Trường có tổng số **21 phòng thí nghiệm, trung tâm khoa học và công nghệ**.

Bên cạnh đó, Trường quyết định tích cực phối hợp với các đại học và tổ chức khoa học danh tiếng của nước ngoài tổ chức nhiều hội thảo quốc tế lớn, quan trọng. Tính từ năm 2012 đến nay, Trường đã tổ chức thành công gần **57 hội thảo quốc tế**. Nhiều hội thảo lớn do Trường khởi xướng và tổ chức đầu tiên tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng nay đã trở thành hội thảo quốc tế thường niên của ngành và được luân phiên tổ chức hàng năm ở mỗi quốc gia khác nhau trên thế giới như: CISIM, ASIA PHARM, AETA, ICFE...

Nhằm đẩy mạnh hợp tác, trong nghiên cứu khoa học, Trường đã làm việc và hợp tác với nhiều cơ quan, viện, trường trong và ngoài nước để đa dạng hướng nghiên cứu và nguồn tài trợ. Ngoài những quan hệ đã có, Nhà trường chú trọng ký kết hợp tác nghiên cứu, thành lập **Nhóm nghiên cứu song phương với những đại học TOP 500 thế giới** như: Đại học Quốc gia Seoul-Hàn Quốc; Đại học Quốc gia Pukyong-Hàn Quốc; Đại học Quốc gia Đài Loan; Đại học Penang-Malaysia; Đại học Trieste-Ý, v.v. Ngoài ra, Nhà trường tích cực hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp lớn để đào tạo thực tế cho sinh viên rất thành công như: Hội Doanh nhân trẻ TPHCM; Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam; Hiệp hội Sales & Marketing quốc tế; Công ty Tân Cảng Sài Gòn, v.v.

Nhà trường rất chú trọng phát triển nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, thường xuyên triển khai các thông báo kêu gọi về đề tài/dự án nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ của các tổ chức trong và ngoài nước; hoạt động chuyển giao, tư vấn dịch vụ kỹ thuật, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện theo đơn đặt hàng của đơn vị ngoài Trường. Hằng năm, số lượng đề tài tăng về số lượng lẫn giá trị hợp đồng. Từ năm 2013 cho đến nay, Trường có **45 đề tài cấp Nhà nước, 38 đề tài quốc tế, cấp tỉnh và tương đương, và 274 đề tài đặt hàng của doanh nghiệp**.

Về nghiên cứu khoa học sinh viên, hằng năm Nhà trường tổ chức trung bình mỗi tháng một buổi chuyên đề về Phương pháp nghiên cứu khoa học trong sinh viên với trên 2.500 người tham gia; nhằm khơi gợi ý tưởng và sự đam mê nghiên cứu khoa học. Phong trào “Nghiên cứu khoa học sinh viên” được nâng thành **“Giải thưởng Nghiên cứu khoa học sinh viên”**. Hằng năm có hơn 100 ý tưởng nghiên cứu được triển khai thực hiện và tham dự các giải thưởng cấp bộ và Thành phố. Sinh viên bậc đại học và cao học đã nghiên cứu và công bố hàng chục công trình trên các tạp chí ISI/Scopus. Riêng năm 2022, toàn trường có 79 đề tài đạt giải cấp Trường trên tổng số **166 đề tài thực hiện**, có 3 đề tài vào

vòng chung kết trong đó 1 đề tài đạt giải khuyến khích giải thưởng Eureka lần thứ 24 năm 2022. Tại giải thưởng Olympic sinh học sinh viên toàn quốc lần thứ 2, đội tuyển Trường tham dự dành 1 giải nhì và 2 giải ba. Ngoài ra, giải thưởng Olympic hóa học sinh viên toàn quốc lần thứ 11, đội tuyển Trường tham dự dành 1 giải ba, 2 giải tư, giải Nữ sinh khoa học công nghệ Việt Nam đã đạt 1 giải thưởng. Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học năm 2022, đội tuyển Trường tham dự dành 1 giải nhì. Nhìn chung, tại các giải thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên, Nhà trường đều tham gia và có giải.

1.1.3. Hoạt động hợp tác doanh nghiệp

Công tác kết nối hợp tác với các tổ chức/doanh nghiệp trong và ngoài nước luôn được trường quan tâm và chú trọng nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Nhà trường. Nhà trường đã xây dựng mục tiêu và công việc của đơn vị trực thuộc từng giai đoạn trong kế hoạch phát triển 5 năm và cụ thể trong từng năm học.

Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và cựu sinh viên là đơn vị chức năng của trường làm đầu mối tổ chức các đơn vị chuyên môn phát triển hợp tác đào tạo, đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo theo địa chỉ cho doanh nghiệp, chính quyền; đào tạo kỹ năng và nghiệp vụ chuyên sâu, các chứng chỉ, v.v. theo nhu cầu xã hội; cung cấp và xuất khẩu lao động có tay nghề cao ra nước ngoài và cho các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu của Trường ra xã hội; tăng số lượng doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nước ngoài ký kết hợp tác thân hữu với trường; tăng hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên, để kết thúc kế hoạch có ít nhất 10 điển hình khởi nghiệp thành công của sinh viên.

Thời gian qua, Nhà trường đã kết nối, hợp tác hơn **1000 tổ chức/doanh nghiệp**, trong đó đã ký kết hợp tác toàn diện với 584 tổ chức/doanh nghiệp trong và ngoài nước và 04 địa phương (Bình Định, Gia Lai, Bình Thuận, Lâm Đồng), trong đó có **40 đơn vị là cơ sở đào tạo, 20 đơn vị là sức khỏe và 50 đơn vị là nghiên cứu chuyên sâu**.

Các nội dung hợp tác chính với tổ chức/doanh nghiệp: Hỗ trợ sinh viên tham quan/thực tập chuyên đề/tập sự nghề nghiệp tại doanh nghiệp, tuyển dụng sinh viên, hỗ trợ Trường và Khoa về các chương trình kiểm định và góp ý chương trình đào tạo, tham gia soạn/phản biện ngân hàng đề thi, chương trình đào tạo và khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên đã tốt nghiệp từ Trường, chương trình nói chuyện chuyên đề, hướng nghiệp, phát triển kỹ năng, khởi nghiệp,... cho sinh viên, tài trợ học bổng

cho sinh viên, tài trợ kinh phí, sản phẩm, v.v. cho các hoạt động của Trường và Khoa, hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu/chuyên gia công nghệ; giới thiệu và sử dụng dịch vụ/sản phẩm và lĩnh vực khác mà cả hai bên cùng quan tâm. Đối với các địa phương thì phối hợp trong việc đào tạo/bồi dưỡng nguồn nhân lực, hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu/chuyên gia công nghệ, tuyển sinh, hợp tác tư vấn và xúc tiến đầu tư nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế tại địa phương.

Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp thường xuyên tổ chức ngày hội việc làm, ngày hội doanh nghiệp, tọa đàm doanh nghiệp thường niên; hỗ trợ hoạt động tư vấn, đào tạo chuyên môn cho doanh nghiệp cũng như các hoạt động phù hợp cho doanh nghiệp tại trường; tổ chức các buổi họp mặt và giao lưu với các tổ chức doanh nghiệp thân hữu để thắt chặt mối quan hệ và gắn kết.

1.1.4. Hoạt động hợp tác quốc tế

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Tôn Đức Thắng được phát triển ngày càng đa dạng và chuyên nghiệp trong liên kết giáo dục, trao đổi học thuật và nghiên cứu với các đại học TOP 500 thế giới, bước đầu xây dựng được mạng lưới hợp tác chuyên gia cho Trường. Tháng 04/2019, Nhà trường thành lập Hiệp hội đại học quốc tế UCI với sự tham gia của 9 trường thành viên uy tín trên thế giới, xây dựng một mạng lưới các đại học thân hữu, gắn kết để cùng nhau phát triển giáo dục và khoa học công nghệ theo hướng bền vững. Thông qua UCI khẳng định vai trò của Trường trong việc tập hợp, lãnh đạo và khởi xướng trong nhiều hoạt động của hợp tác và liên kết quốc tế giữa các trường đại học uy tín.

Hằng năm, Nhà Trường đón nhiều đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc và xúc tiến các chương trình hợp tác trong nhiều lĩnh vực mới tại Trường. Từ 2018 đến nay, Nhà trường đã tiếp và làm việc song phương với hơn **1.000 đoàn khách quốc tế** đến thăm, làm việc và xúc tiến các chương trình hợp tác trong nhiều lĩnh vực mới; ký các biên bản ghi nhớ và nghiên cứu hợp tác liên kết; mở rộng hợp tác và liên kết với nhiều doanh nghiệp trong nước và quốc tế cũng như các Trường Đại học danh tiếng ở châu Âu, châu Á, châu Úc, Mỹ. Cụ thể, Nhà trường đã đón tiếp và tạo ấn tượng tốt cho các đoàn đại biểu cấp cao, các tổ chức đến thăm Trường như Đoàn Ủy ban Khoa học, Giáo dục, Văn hóa, Thanh niên và Thể thao Quốc hội Cộng hòa Séc; Đại sứ - Trưởng phái đoàn Liên minh Châu Âu tại Việt Nam; Đoàn đại biểu Bộ Giáo dục, Thanh niên và Thể thao cùng Đoàn cựu lưu học sinh Vương quốc Campuchia; Đoàn đại biểu Hội hữu nghị Myanmar-Việt Nam; Đoàn đại

biểu Hạ nghị viện Cộng hòa Séc; Thứ trưởng Bộ Công thương Cộng hòa Séc...; Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Cộng hòa Séc tại Việt Nam; Đại sứ Phần Lan, Phó Chủ tịch Hiệp hội quản trị tài chính (FMA), Trung tâm Hoa Kỳ - Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ, Tổ chức kiểm định HCERES; các phái đoàn Tổng lãnh sự quán Anh, Ý, Hungary, Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Campuchia. Đặc biệt là chuyến thăm của Thủ tướng Canada Justin Trudeau nhân hội nghị APEC tại Việt Nam đã mang lại danh tiếng và uy tín cho Trường trong cộng đồng, xã hội và quốc tế v.v.

Hoạt động tuyển sinh sinh viên quốc tế đến học tập dài hạn hoặc trao đổi ngắn hạn tại trường với sự hợp tác song phương hoặc đa phương góp phần tạo ra môi trường trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa và sự hiểu biết lẫn nhau. Các hoạt động hợp tác quốc tế này bước đầu giúp cho sinh viên có thể dễ hòa nhập vào môi trường quốc tế cũng như có những quan kiến rộng mở về một thế giới đại đồng, về một môi trường làm việc không biên giới trong thời đại hiện nay. Sự trao đổi đó giúp sinh viên thiết lập các mối quan hệ xã hội, nền tảng kiến thức, kỹ năng và thái độ cho nghề nghiệp trong tương lai. Từ năm 2018-2022, Nhà trường đã đưa được gần **3.412 sinh viên đi học tập, thực tập các chương trình ngắn hạn tại nước ngoài**. Theo chiều đến, tính từ 2014 cho đến nay Nhà trường đã tiếp nhận trên **400 sinh viên quốc tế theo học dài hạn** tại Trường chương trình dự bị tiếng Việt, đại học và thạc sĩ; gần **1.000 sinh viên quốc tế đến học tập ngắn hạn** để nhận chứng chỉ; và **2.694 sinh viên đến giao lưu, trao đổi văn hóa tại Trường**; nâng tổng số lượng sinh viên nước ngoài đến Trường học tập/thực tập, giao lưu và trao đổi văn hóa trong **05 năm** lên khoảng **4.106 sinh viên**.

Nhà trường cũng tăng cường tìm kiếm các cơ hội tham dự các khóa học/nghiên cứu/trao đổi ở nước ngoài cho giảng viên, viên chức và sinh viên của Trường thông qua các chương trình học bổng đi trao đổi học thuật (thực tập, nghiên cứu, tham gia hội nghị/hội thảo) hoặc học tập Sau Đại học. Tính đến hết 04/2023, Nhà trường đã tìm kiếm được **18 suất học bổng** từ các đối tác nước ngoài (Nhật, New Zealand, Trung quốc, Ý, Đài Loan, Thái Lan, Ba Lan, Hungary, Bỉ, Canada) cho giảng viên, viên chức và sinh viên của Trường. Ngoài ra, trong năm học 2022-2023, hiện đã ký kết được **03 hợp đồng Học bổng Erasmus+** với **48 suất cho sinh viên và 22 suất cho giảng viên – viên chức** của Nhà trường đi trao đổi học thuật ngắn hạn tại các trường đại học tại Châu Âu. Thông qua các chương trình này, Nhà trường đã bồi dưỡng và nâng cao chất lượng giảng viên, viên chức cũng như chất lượng đào tạo sinh viên của chính Nhà trường.

Tính đến tháng 4/2023, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã thiết lập được quan hệ đối tác với hơn 173 đối tác Trường Đại học đến từ 34 quốc gia trên thế giới. Trong số các trường đối tác mới thiết lập quan hệ, có nhiều đối tác là các cơ sở giáo dục đại học thuộc Top 500 thế giới như: Trường Đại học Tôn Trung Sơn (Đài Loan), Trường Đại học L'Aquila (Ý), Trường Đại học Calabria (Ý), Trường Đại học Lincoln (New Zealand), Trường Đại học Melbourne (Úc), Trường Đại học Ottawa (Canada), Trường Đại học Hasselt (Bỉ). Ngoài ra, Nhà trường cũng đẩy mạnh phát triển các chương trình hợp tác mới với đối tác thân hữu của Nhà trường như Trường Đại học kỹ thuật Dresden (Đức), Trường Đại học McMaster (Canada), Trường Đại học Chulalongkorn (Thái Lan), Đại học quốc gia Yang Ming Chiao Tung (Đài Loan), v.v. Các nội dung hợp tác đi sâu vào các mảng giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật cụ thể, trên tinh thần hai bên cùng có lợi và cùng phát triển. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thúc đẩy việc triển khai các hoạt động hợp tác với đối tác có nội dung liên quan đến **17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc**, nhằm thể hiện trách nhiệm cộng đồng cũng như thực hiện đúng tinh thần hội nhập quốc tế của Nhà trường.

Các hình thức hợp tác quốc tế hiện nay của Trường Đại học Tôn Đức Thắng rất đa dạng, từ hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, hợp tác trong nghiên cứu khoa học đến hợp tác phát triển năng lực quản lý hoặc quản trị đại học. Các hoạt động hợp tác quốc tế không chỉ góp phần hỗ trợ nâng cao chất lượng, mà còn giúp hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển trong tương lai của Nhà trường. Chiến lược hợp tác quốc tế ngày nay của Nhà trường không chỉ dừng lại trong một lĩnh vực cụ thể hay một chuyên ngành cụ thể, mà mang tính chất tổng thể tích hợp vào tất cả các mặt hoạt động của trường đại học, góp phần đưa Trường Đại học Tôn Đức Thắng phát triển lên một đẳng cấp cao hơn và có môi trường quốc tế cao. Hợp tác quốc tế cũng không những tới từ một phía các trường đại học tiên tiến trên thế giới giúp đỡ Trường Đại học Tôn Đức Thắng trong việc từng bước hòa nhập với môi trường quốc tế, mà còn mang tính chất hai chiều dựa trên tinh thần đôi bên cùng có lợi dựa vào lợi thế mà các bên có được cũng như sự hiểu biết lẫn nhau và tích hợp vào các chương trình ngoại giao giữa các vùng, thành phố hay thậm chí là cả cấp độ quốc gia. Hợp tác quốc tế không chỉ là xu hướng tất yếu, mà thực sự đã được trở thành một phần không thể tách rời trong hoạt động đời sống của Nhà trường hiện nay.

1.1.5. Cơ sở vật chất và học liệu

Trường Đại học Tôn Đức Thắng có kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học theo chuẩn mực quốc tế. Nhà trường có đầy đủ các phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu của người dạy và người học. Cụ thể, Trường có tổng cộng **642 hội trường, giảng đường, phòng học** các loại, phòng học đa phương tiện, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu với tổng diện tích sàn xây dựng **88.479m²**. Các phòng học có quy mô và trang thiết bị khác nhau, phù hợp với từng loại môn học như các môn chung, các môn cơ sở, các môn chuyên ngành, tiếng Anh, tin học, v.v. Ngoài ra, tổng số trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập chiếm tổng **145.045m²** diện tích sàn xây dựng, đáp ứng đầy đủ yêu cầu thí nghiệm, thực hành của ngành đào tạo.

Trường Đại học Tôn Đức Thắng đầu tư Thư viện và nguồn học liệu, cơ sở dữ liệu để phục vụ cho hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ của Trường. Thư viện nhà trường có tổng diện tích **11.800m²** (Thư viện tất cả các cơ sở). Trong đó, Thư viện được xây dựng theo mô hình Không gian học tập chung – Learning commons, không gian mở nên mọi nơi trong Thư viện đều được xem là không gian đọc, không phân chia phòng đọc. Thư viện có thể phục vụ với số chỗ ngồi hơn **3500 chỗ; 350 máy tính phục vụ tra cứu**. Có Thư viện điện tử và nhiều đầu sách giáo trình điện tử, cơ sở dữ liệu phục vụ trong toàn trường.

Thư viện chính tọa lạc tại cơ sở chính ở Quận 7, TP.HCM có tổng diện tích thư viện: **8.678m²** được thiết kế theo mô hình Không gian học tập chung (Learning Commons) gồm khu tự học qua đêm 24/7 và 7 tầng lầu. Môi trường học tập, nghiên cứu của Thư viện có thể phục vụ khoảng **3.000** người sử dụng cùng lúc.

- Không gian học tập chung gồm 09 phòng thuyết trình, 08 phòng nghiên cứu cá nhân, 03 phòng học nhóm, 02 phòng xem phim, phòng hội thảo trực tuyến, không gian truyền thông sáng tạo;

- Không gian cho các dịch vụ thông tin gồm các quầy thông tin, khu vực trưng bày tài liệu mới, khu vực sử dụng máy tính, các điểm truy cập nhanh, các trạm in ấn đa chức năng, trạm mượn sách tự động, v.v.

- Không gian giao lưu học tập gồm các điểm gặp gỡ, khu vực cà phê, khu vực đọc giải trí, sảnh triển lãm, v.v.

- Không gian cho các dịch vụ, sản phẩm đặc biệt gồm phòng Truyền thống, khu vực trưng bày các sản phẩm khoa học của Trường, và không gian làm việc của Thư viện.

Thư viện có hệ thống tra cứu mạnh mẽ với giao diện người dùng dễ sử dụng. Máy tìm kiếm (Search Engine) của Thư viện được tích hợp ngay tại trang chủ website Thư viện (<http://lib.tdtu.edu.vn/>) với hai ngôn ngữ hiển thị chính là tiếng Việt và tiếng Anh. Người sử dụng có thể tra cứu thông tin chi tiết của tất cả tài liệu trong thư viện thông qua **mục lục công cộng trực tuyến (OPAC)**, biết được vị trí, chính sách của từng tài liệu cụ thể và các điều kiện để có thể sử dụng tài liệu dạng in hoặc dạng số. Tài liệu mới của Thư viện được cập nhật liên tục và xuất hiện trên hệ thống tra cứu trong vòng 24 giờ, bảo đảm người sử dụng có thể truy cập đến và sử dụng những tài liệu mới nhất. Hệ thống tra cứu trực tuyến và các tính năng tuyệt vời của nó giúp cho người sử dụng Thư viện có thể truy cập đến nguồn tài nguyên của Thư viện mà không bị giới hạn bởi các rào cản địa lý và thời gian.

Nguồn tài nguyên Thư viện gồm **182.859 tài liệu** được biên mục đầy đủ, người sử dụng của Thư viện có thể truy cập thông qua hệ thống tra cứu của Thư viện với tài khoản đã được cấp phép. Nguồn tài nguyên Thư viện đa dạng với nhiều loại hình khác nhau như dạng in, điện tử, CDs/DVDs, video, audio, bản đồ, bản vẽ/bản mô tả, v.v. Người học cũng có thể truy cập vào **210 cơ sở dữ liệu**, bao gồm cả những cơ sở dữ liệu truy cập mở (open access databases) và cơ sở dữ liệu đăng ký (subscribed databases) (**Web of Science, Scopus, ScienceDirect, Proquest, Springer, IEEE, ACS, v.v.**) được tích hợp vào một giao diện tìm kiếm chung, phục vụ học tập và nghiên cứu. Ngoài ra, Người học cũng có thể tìm kiếm và sử dụng nguồn tài nguyên bên ngoài thông qua **Dịch vụ mượn liên thư viện toàn cầu** của tổ chức OCLC do Thư viện cung cấp, Dịch vụ này cho phép Thư viện kết nối và mượn liên thư viện với hơn **9000 thư viện trên thế giới**. Phần mềm quản lý Thư viện: Thư viện ứng dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ mới trong Quản lý vận hành, Quản lý khai thác và Quản lý phát triển; gồm **Hệ thống phần mềm ALEPH** với tính năng nổi bật là phân hệ quản lý tài liệu theo khóa học cùng các ứng dụng khác như: Primo Central Index, SFX và Metalib của Công ty Ex Libris đã triển khai tại Thư viện các đại học hàng đầu thế giới như Harvard, Oxford, v.v. Ngoài ra, **TDTU INSPIRE Library** còn được trang bị các thiết bị quản lý tự động theo công nghệ RFID gồm: Hệ thống phân loại tài liệu sau khi người đọc trả sách; Máy làm sạch, diệt khuẩn cho tài liệu; Hệ thống máy mượn – trả sách tự động; Cổng an ninh tài liệu; Hệ thống kiểm soát ra vào, máy in đa chức năng và nhiều giải pháp công nghệ hàng đầu.

Thư viện sở hữu nguồn tài nguyên thông tin đa dạng gồm ngoài các bộ sưu tập tài liệu của Thư viện, còn có hàng trăm triệu tài nguyên thông tin điện tử về học thuật và nghiên cứu tầm toàn cầu và khu vực, với những bài báo nghiên cứu từ các tạp chí khoa học, sách điện tử và nhiều tài liệu khoa học khác được tập hợp từ các Nhà xuất bản cũng như nhiều kho thông tin khoa học số của các trường đại học có khả năng truy cập mở khác trên thế giới. Tất cả đều được khai thác thông qua lớp ứng dụng công tích hợp kiến thức và tra cứu mục lục chung, thống nhất Primo Discovery System đáp ứng mọi nhu cầu nghiên cứu giảng dạy và học tập của cộng đồng người sử dụng Thư viện. Ngoài ra, TDTU INSPiRE Library còn có các dịch vụ mô phỏng theo mô hình thư viện các đại học TOP 100 thế giới như Dịch vụ mượn liên thư viện toàn cầu; Thông tin và Tham khảo; Hỗ trợ học tập, giảng dạy, nghiên cứu; Lưu hành tài liệu và nhiều dịch vụ khác nhằm hỗ trợ tối đa khả năng tiếp cận và khai thác tất cả tài nguyên hiện có tại Thư viện.

Cơ sở vật chất của Trường hiện đã đáp ứng đủ điều kiện về cơ sở vật chất để triển khai đào tạo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư 02).

1.2. Khoa Kỹ thuật công trình

1.2.1. Hoạt động đào tạo

Khoa Kỹ thuật công trình (KTCT) là một trong những khoa chủ lực của Trường, được thành lập ngay từ những ngày đầu thành lập Trường (24/09/1997), đến nay Khoa KTCT có những bước phát triển ấn tượng cả về số lượng và chất lượng các ngành đào tạo. Từ việc đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật xây dựng ban đầu, Khoa KTCT đã phát triển thêm 3 ngành đào tạo trong lĩnh vực xây dựng gồm ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, ngành Kiến trúc và ngành Quy hoạch vùng và đô thị. Trong đó, ngành Kỹ thuật xây dựng có kinh nghiệm đào tạo 26 năm, và ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông có kinh nghiệm đào tạo 20 năm. Các ngành liên quan còn lại như ngành Quy hoạch vùng và đô thị đào tạo có kinh nghiệm đào tạo 18 năm, và ngành Kiến trúc đào tạo được 10 năm. Tỷ lệ sinh viên Khoa KTCT có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp luôn đạt mức cao (99%-100%).

Toàn bộ các chương trình đào tạo (CTĐT) tại Khoa KTCT đều đã được kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế. Cụ thể, **ngành Kiến trúc đạt chuẩn kiểm định AUN-QA, ngành Quy hoạch vùng và đô thị đạt chuẩn FIBAA**. Trong tháng 5/2023, CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, và thạc sĩ ngành Kỹ thuật

xây dựng đã tiến hành kiểm định theo tiêu chuẩn ASIIN. Riêng ngành Kỹ thuật Xây dựng phát triển đủ 3 trình độ đào tạo gồm đại học, thạc sĩ, và tiến sĩ.

Đối với hệ đào tạo sau đại học, Khoa đang đào tạo 2 ngành trình độ thạc sĩ (ngành Kỹ thuật xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông) và 1 ngành trình độ tiến sĩ (ngành Kỹ thuật xây dựng). Kinh nghiệm đào tạo trình độ thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng là 11 năm và tiến sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng là 6 năm. Như vậy, ngành Kỹ thuật xây dựng (ngành gần của ngành đào tạo Quản lý xây dựng đề xuất mở) đã đào tạo đủ 3 trình độ từ đại học, thạc sĩ, đến tiến sĩ.

Do đó, với kinh nghiệm đào tạo các ngành đào tạo trong lĩnh vực xây dựng – kiến trúc gần 26 năm, Khoa KTCT có kinh nghiệm để triển khai xây dựng CTĐT ngành Quản lý xây dựng (QLXD) và tổ chức đào tạo. CTĐT ngành QLXD sẽ kế thừa các nội dung phong phú của ngành gần, đồng thời cập nhật thực tiễn giúp người học có đủ kiến thức và kỹ năng khi ra trường, có khả năng cạnh tranh cao, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp.

1.2.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Về nghiên cứu khoa học, Khoa KTCT triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và đạt được nhiều thành tựu nhất định, sẵn sàng cho việc đào tạo và nghiên cứu ngành mới QLXD (bảng 1.2).

Bảng 1.2: Thống kê các công bố khoa học tại Khoa KTCT trong 5 năm gần nhất

STT	Năm học	Số công bố quốc tế	Số bài báo chuẩn ISI	Tỉ lệ công bố/giảng viên	Tỉ lệ bài ISI/giảng viên
1	2017-2018	50	30	1,72	1,20
2	2018-2019	67	46	2,42	1,77
3	2019-2020	101	90	3,57	3,18
4	2020-2021	55	52	1,90	1,79
5	2021-2022	39	35	0,89	0,80
	Tổng cộng	312	253		

Khoa KTCT luôn đề cao công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên, đây là một nhiệm vụ quan trọng gắn liền với công tác giảng dạy của giảng viên. Cụ thể, Khoa có 3 nhóm nghiên cứu chính, gồm Nhóm nghiên cứu “**Phát triển bền vững trong xây dựng**” SDCE (Sustainable Developments in Civil Engineering Research Group); Nhóm

nghiên cứu “**Cơ học tính toán trong xây dựng**” ACCSE (Applied Computational Civil and Structural Engineering Research Group); và Nhóm nghiên cứu “**Tính toán thông minh trong kỹ thuật xây dựng**”. Các nhóm nghiên cứu đều được nhà trường tạo điều kiện tối đa về cơ chế, cơ sở vật chất để có thể thực hiện nghiên cứu thuận lợi, hiệu quả. Trong 05 năm trở lại đây, Khoa có **03 đề tài nghiên cứu cấp quốc gia (NAFOSTED)**, trong đó 02 đề tài đã được nghiệm thu và 01 đề tài đang thực hiện; Khoa có **2 đề tài cấp Tỉnh/Thành phố** và có **02 đề tài cấp cơ sở** đã được nghiệm thu.

Để nâng cao khả năng NCKH, hằng tháng Khoa KTCT tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật và Journal club (bảng 1.3). Cụ thể, sinh hoạt học thuật tập trung chia sẻ và phân tích các công trình nghiên cứu của các giảng viên trong Khoa; còn Journal club là hoạt động sinh hoạt khoa học, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm nghiên cứu, giao lưu và trao đổi kỹ năng phương pháp nghiên cứu khoa học công nghệ từ các kết quả nghiên cứu mới nhất và kinh điển (tài liệu báo cáo tại Journal club là các bài báo khoa học quốc tế ISI).

Bảng 1.3: Số buổi sinh hoạt học thuật và Journal club tại Khoa KTCT

STT	Năm học	Số buổi sinh hoạt học thuật	Số buổi Journal club
1	2020-2021	18	13
2	2021-2022	18	13
3	2022-2023	14	14
	Tổng cộng	50	40

Ngoài ra, hàng năm Khoa KTCT tích cực triển khai công tác NCKH sinh viên, và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kết quả là số lượng nhóm sinh viên tham gia NCKH tăng dần trong những năm gần đây. Cụ thể, khởi đầu từ 2 nhóm NCKH sinh viên trong năm học 2016-2017, đến nay ngành gần QLXD (ngành Kỹ thuật xây dựng và ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông) có tổng 31 nhóm sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học với tổng số 87 sinh viên trực tiếp tham gia nghiên cứu (bảng 1.4).

Bảng 1.4: Số lượng sinh viên KTCT ngành gần tham gia nghiên cứu khoa học

STT	Năm học	Số nhóm NCKH sinh viên	Số sinh viên tham gia NCKH
1	2016-2017	2	5
2	2017-2018	1	3

STT	Năm học	Số nhóm NCKH sinh viên	Số sinh viên tham gia NCKH
3	2018-2019	1	3
4	2019-2020	2	6
5	2020-2021	9	23
6	2021-2022	9	27
7	2022-2023	7	20
	Tổng cộng	31	87

Kết quả NCKH sinh viên Khoa KTCT đạt được nhiều kết quả tích cực như giải ba, giải khuyến khích NCKH sinh viên cấp Trường. Đặc biệt, một số công trình NCKH sinh viên tiêu biểu được đề cử tham gia dự giải cấp thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, sinh viên ngành đào tạo QLXD có cơ hội lớn tham gia NCKH cùng với giảng viên Khoa KTCT, cũng như lập nhóm nghiên cứu chung với sinh viên ngành gần (ngành Kỹ thuật xây dựng và ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông) nhằm khai phá tri thức khoa học, đồng thời tạo nền tảng nghiên cứu cần thiết để sinh viên có thể học tiếp lên các bậc học cao hơn.

Nhờ đẩy mạnh các hoạt động NCKH nêu trên, đến nay Khoa KTCT có nhiều công trình khoa học được công bố trên các tạp chí uy tín trên thế giới.

1.2.3. Hoạt động hợp tác doanh nghiệp

Ngay từ khi thành lập, Khoa KTCT luôn chú trọng kết nối và triển khai hợp tác với trên 100 doanh nghiệp, trong đó ký kết biên bản ghi nhớ với 23 doanh nghiệp thân hữu lớn ngành xây dựng (bảng 1.5). Điểm nổi bật là các doanh nghiệp hợp tác với Khoa KTCT hoạt động rộng khắp trên cả nước, trong nhiều lĩnh vực chính của ngành đào tạo QLXD như tư vấn lập dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, kiểm định công trình, thi công xây lắp, v.v. Sự đa dạng ngành nghề của các doanh nghiệp xây dựng thân hữu của Khoa KTCT giúp sinh viên có cơ hội được thực tập, kiến tập thực tế QLXD tại hầu hết các loại công trình xây dựng, trong các mảng công việc quản lý đa dạng của ngành đào tạo QLXD.

Bảng 1.5: Danh sách doanh nghiệp thân hữu ngành QLXD hợp tác với Khoa KTCT

STT	Doanh nghiệp	Loại hình doanh nghiệp		Năm ký kết hợp tác
		Trong nước	Liên doanh/ Nước ngoài	
1	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp (NAGECCO)	x		2018-2019

STT	Doanh nghiệp	Loại hình doanh nghiệp		Năm ký kết hợp tác
		Trong nước	Liên doanh/ Nước ngoài	
2	Công ty TNHH Giải Pháp VMT(VMTS)		x	2018-2019
3	Công ty TNHH Cộng Đồng BIM Việt Nam	x		2018-2019
4	Công ty TNHH Straight Vietnam		x	2018-2019
5	Công ty TNHH Bạch Kim Toàn Cầu		x	2018-2019
6	Công ty TNHH Tân Tín Thành	x		2018-2019
7	Công ty TNHH NIBC Đầu Tư & Tư Vấn		x	2018-2019
8	Công ty TNHH Lixil Việt Nam		x	2018-2019
9	Viện Quy hoạch xây dựng miền Nam	x		2018-2019
10	Sở Quy hoạch kiến trúc TPHCM	x		2018-2019
11	Công ty cổ phần Công Trình Cầu Phà Tp. HCM	x		2018-2019
12	Công ty TNHH Xây dựng Lâm Phạm		x	2018-2019
13	Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc và xây dựng TPHCM	x		2018-2019
14	Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Thương Mại & Dịch Vụ Đông Thái Sơn	x		2018-2019
15	Công ty TNHH Xây Dựng Phúc Khang	x		2019-2020
16	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Vĩnh Hương	x		2019-2020
17	Công ty cổ phần Ideco Việt Nam	x		2019-2020
18	Công ty cổ phần xây dựng Trung Hậu	x		2019-2020
19	Công ty TNHH IOT Link	x		2019-2020
20	Công ty TNHH Xây Dựng Vũ Hùng Phát	x		2019-2020
21	Công ty TNHH Kobi Lighting Studio	x		2022-2023
22	Công ty TNHH Lixil Việt Nam	x		2022-2023
23	Công ty cổ phần quản lý dự án và đầu tư - CPMI	x		2022-2023
	Tổng cộng	17	6	

Ngoài ra, Khoa có quan hệ thân hữu với 18 Sở Xây dựng các tỉnh phía nam, ký kết hợp tác với các Cơ quan quản lý Nhà nước, Sở ban ngành khác như: Viện Quy hoạch xây

dựng miền Nam; Sở Quy hoạch kiến trúc TP.HCM, v.v. nhằm giúp sinh viên xây dựng có điều kiện kiến tập, thực tập và nắm bắt thêm các công việc liên quan công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng.

Vì vậy, kết quả hợp tác doanh nghiệp hiện nay tại Khoa KTCT đảm bảo sinh viên ngành đào tạo mới QLXD có nhiều thuận lợi tham gia thực tập, kiến tập, trau dồi kiến thức thực tiễn QLXD tại các dự án xây dựng của doanh nghiệp thân hữu và Cơ quan quản lý Nhà nước. Bên cạnh đó, lực lượng Chuyên gia và Doanh nghiệp bên ngoài tham gia vào hoạt động đào tạo hiện nay tại Khoa (góp ý xây dựng chương trình đào tạo, giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn đồ án môn học, hướng dẫn tốt nghiệp, v.v.) giúp sinh viên ngành QLXD có cơ hội được tiếp cận nhiều kiến thức thực tiễn từ các chuyên gia doanh nghiệp.

1.2.4. Hoạt động hợp tác quốc tế

Khoa KTCT ký kết hợp tác với các Khoa/Trường Đại học trên thế giới (bảng 1.6) để đẩy mạnh việc liên kết đào tạo, tổ chức hội thảo quốc tế, hợp tác nghiên cứu khoa học, và trao đổi sinh viên (Inbound/Outbound).

Bảng 1.6: Danh sách hợp tác quốc tế của Khoa KTCT

STT	Đối tác hợp tác quốc tế	Quốc gia	Năm ký kết
1	Hasselt University	Belgium	2015
2	Université Savoie Mont Blanc	France	2017
3	University of Trieste	Italia	2017
4	Leipzig University of Applied Sciences	Germany	2018
5	Dong-A University	Korea	2022
6	Universitas Brawijaya, Indonesia	Indonesia	2022

Trên cơ sở hợp tác quốc tế, trong 5 năm gần nhất, Khoa KTCT đã tổ chức 3 hội thảo quốc tế (bảng 1.7) gồm CUTE-2016, CUTE-2018 và CUTE-2020 “**Phát triển bền vững trong xây dựng, quy hoạch đô thị và kỹ thuật giao thông**”. Các hội thảo quốc tế này được Khoa KTCT đồng tổ chức với các Trường Đại học kỹ thuật Ostrava (Sec), Trường Đại học Hasselt (Bỉ), Trường Đại học Savoie Mont Blanc (Pháp), Trường Đại học Trieste (Italy), và Trường Đại học khoa học công nghệ Wroclaw (Ba Lan). Các chủ đề trình bày trong các Hội thảo này bao gồm chủ đề nghiên cứu khoa học ngành QLXD.

Bảng 1.7: Danh sách Hội thảo quốc tế Khoa KTCT tổ chức

STT	Hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin tạp chí, website
1	Hội thảo quốc tế CUTE lần 1 - 2016: “Phát triển bền vững trong xây dựng, quy hoạch đô thị và kỹ thuật giao thông”	2016, Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Trường Đại học kỹ thuật Ostrava (Sec), Trường Đại học Hasselt (Bỉ), Trường Đại học Savoie Mont Blanc (Pháp), Trường Đại học Trieste (Italia), và Trường Đại học khoa học công nghệ Wroclaw (Ba Lan)	http://cute2016.tdtu.edu.vn/
2	Hội thảo quốc tế CUTE lần 2 - 2018: “Phát triển bền vững trong xây dựng, quy hoạch đô thị và kỹ thuật giao thông”	Tháng 4/2018, Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Trường Đại học kỹ thuật Ostrava (Sec), Trường Đại học Hasselt (Bỉ), Trường Đại học Savoie Mont Blanc (Pháp), Trường Đại học Trieste (Italia), và Trường Đại học khoa học công nghệ Wroclaw (Ba Lan)	http://cute2018.tdtu.edu.vn/
3	Hội thảo quốc tế CUTE lần 3 - 2020: “Phát triển bền vững trong xây dựng, quy hoạch đô thị và kỹ thuật giao thông”	Tháng 10/2020, Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Trường đại học kỹ thuật Ostrava (Sec), Trường Đại học Hasselt (Bỉ), Trường Đại học Savoie Mont Blanc (Pháp), Trường Đại học Trieste (Italia), và Trường Đại học khoa học công nghệ Wroclaw (Ba Lan)	http://cute2020.tdtu.edu.vn/

Bên cạnh việc tổ chức các hội thảo quốc tế định kỳ, Khoa KTCT tích cực triển khai nhiều đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài liên quan đến ngành đăng kí đào tạo QLXD (bảng 1.8). Các đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học quốc tế nhằm hỗ trợ giảng

viên Khoa KTCT hợp tác với các nhà khoa học hàng đầu trên thế giới, đồng thời tạo điều kiện để sinh viên của Khoa tham gia nghiên cứu khoa học và trao đổi sinh viên quốc tế.

Bảng 1.8: Danh sách chương trình, đề tài NCKH với nước ngoài của Khoa KTCT

STT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/năm kết thúc	Số sinh viên tham gia
1	Tailor-made Recycled Aggregate Concretes (TRAC)	Horizon 2020 - Marie Skłodowska-Curie Research and Innovation Staff Exchange (Châu Âu)	2018-2022	20
2	The use of waste to manufacture construction materials to build sustainable cities and enhance circular economy	Newton Institutional Links grants – British Council (Anh Quốc)	2018-2020	15
3	Mobility for Learners and Staff – Higher Education Student and Staff Mobility	ERAMUS+ Key Action 1 Châu Âu Inter-Institutional agreement	2018-2019	5
4	Tailor-made Recycled Aggregate Concretes (TRAC)	Horizon 2020 - Marie Skłodowska-Curie Research and Innovation Staff Exchange (Châu Âu)	2018-2022	20

Vì vậy, trong 5 năm qua, Khoa KTCT triển khai thành công nhiều chương trình trao đổi sinh viên (Inbound, Outbound) với nhiều đại học trên thế giới (bảng 1.9).

Bảng 1.9: Chương trình trao đổi sinh viên (Inbound, Outbound) với nước ngoài

STT	Năm học	Nội dung hợp tác (Inbound, Outbound)
1	2019-2020	Cử 01 học viên cao học đi thực tập sinh Thạc sĩ tại Pháp trong thời gian thực hiện Luận văn thạc sĩ (học viên Lê Thị Thảo Loan, MSHV: 1860040020) từ 03/02/2020 đến 31/07/2020

STT	Năm học	Nội dung hợp tác (Inbound, Outbound)
2	2019-2020	Cử 01 sinh viên ngành Kiến trúc đi trao đổi với đại học Hasselt, Bỉ
3	2019-2020	Tiếp nhận 10 sinh viên Bắc Đan Mạch đến học tập ngắn hạn tại Khoa, các môn học: Bê Tông ứng suất trước (801054), Nền móng nâng cao (801056), Cơ học kết cấu 3 (800056), Tin học trong xây dựng (801055) trong kế hoạch tổ chức chương trình ngắn hạn chủ đề " Quy trình công nghiệp trong xây dựng năm 2019"
4	2019-2020	Tiếp nhận 18 sinh viên đến từ viện đại học Bắc Philippine đến trao đổi học thuật, hợp tác toàn diện, đào tạo nghiên cứu, từ 20/10/2019 đến 26/10/2019
5	2019-2020	Tiếp nhận 13 sinh viên đến từ đại học TUM - MTU Myanmar đến trao đổi học thuật, hợp tác toàn diện, đào tạo nghiên cứu. Từ 30/10/2019-06/11/2019 Tiếp nhận 03 sinh viên trường đại học University of UDINE - Ý đến học tập ngắn hạn tại Khoa KTCT (HK1/2019-2020 từ 12/08 đến 30/11/2019)
6	2019-2020	Tiếp nhận 01 sinh viên trường đại học LEIPZIG - ĐỨC đến học tập ngắn hạn tại Khoa KTCT (HK1/2019-2020 từ tháng 08 - 12/2019)
7	2019-2020	Tiếp nhận 03 sinh viên trường đại học University of TRIESTE - Ý đến học tập ngắn hạn tại Khoa KTCT (HK1/2019-2020 từ 01/10/2019 đến 29/02/2020)
8	2020-2021	Cử 02 sinh viên tham gia 3 online-courses (2 credits/ course) với trường National Taiwan University từ 30/08/2020 đến 13/09/2020
9	2020-2021	Cử 06 sinh viên tham gia thi Thiết kế kiến trúc quốc tế tại trường The Asian Contest of Architectural Rookie's Award Workshop vào tháng 11/2020
10	2020-2021	Cử 08 sinh viên tham gia Parallel Design Studio cùng các Đại học Kinh tế TP. HCM, Đại học Công nghệ TP. HCM, Đại học Hasselt (Vương quốc Bỉ), Đại học Toàn cầu Handong (Hàn Quốc), Đại học Công nghệ Mandalay (Myanmar) và Đại học Thammasat (Thái Lan). Workshop:1-5/03/2021 và Studio cả học kì 2/2021
11	2020-2021	Cử 18 sinh viên tham gia "Chương trình Global Culture Jam" Đại học Manchester Metropolitan, Anh từ 14-18/6/2021

Việc hợp tác quốc tế sâu rộng của Khoa và Trường sẽ giúp người học ngành đào tạo QLXD có cơ hội giao lưu, phát triển học tập và nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học hàng đầu trên thế giới.

1.2.5. Cơ sở vật chất và học liệu

Để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, hướng đến phát triển bền vững, Nhà trường đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại cho Khoa KTCT. Cụ thể, các phòng thí nghiệm của Khoa KTCT được trang bị máy móc thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại và được bổ sung, nâng cấp các thiết bị định kỳ, nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu hoạt động thí nghiệm, thực hành của các môn học cơ sở ngành và môn học chuyên ngành (mẫu 8 – phụ lục đính kèm); qua đó giúp sinh viên kiểm chứng lý thuyết, phát huy tối đa khả năng thực hành thực tiễn sau tốt nghiệp như thực tập về trắc địa, kiểm định vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông cốt thép, kết cấu thép, v.v. Ngoài ra, sinh viên KTCT có thể tham gia kiên tập, thực tập các công việc liên quan đến công tác kiểm định, thí nghiệm, giám sát thi công, v.v. do Trung tâm Tư vấn và kiểm định xây dựng của Trường thực hiện thông qua các hợp đồng tư vấn xây dựng với các doanh nghiệp ngoài Trường, nhằm giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm thực tiễn hành nghề QLXD.

Về học liệu trong lĩnh vực ngành xây dựng, Thư viện nhà trường đã trang bị sẵn 1115 đầu sách, tiêu chuẩn, và học liệu (tiếng Việt và tiếng Anh) hỗ trợ các môn học cơ sở, và cơ sở ngành, và môn chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo đề xuất mở mới ngành Quản lý xây dựng. Ngoài ra, hàng năm, Trường có kế hoạch trang bị thêm các tài liệu, giáo trình cập nhật cho các chương trình đào tạo.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO QUẢN LÝ XÂY DỰNG

2.1. Nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động

Việt Nam hiện đang trong quá trình mở cửa và hội nhập quốc tế, do đó đã thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, v.v., đặc biệt là các dòng vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng, công trình xây dựng chiếm một tỉ lệ lớn. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, lũy kế đến 31/12/2020, ngành xây dựng chiếm 5,3% số lượng dự án, đạt tỉ lệ 2,76% tổng vốn đầu tư nước ngoài¹. Ngoài ra, do nhu cầu về nhà ở lớn, nguồn vốn của các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào bất động sản ngày càng tăng. Vì vậy, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ngành xây dựng tăng đều trong 5 năm

¹ Tổng cục thống kê <https://www.gso.gov.vn>

gần đây (bảng 2.1) ². Riêng khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,72% GDP³. Diện tích sàn xây dựng nhà ở giai đoạn 2016-2019 tăng 18,6% so với giai đoạn 2012-2015⁴.

Bảng 2.1: Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ngành xây dựng

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Vốn đầu tư (tỷ đồng)	78.572	90.448	106.893	113.466	122.013	131.335
Tỉ lệ % tăng so với năm trước		15,11	18,18	6,15	7,53	7,64

Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo các phân tích và dự báo của Tổng cục thống kê năm 2020 cho thấy, xu hướng giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Riêng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng từ 32,72% năm 2016 lên 33,4% năm 2017; năm 2019 đạt 34,49% và ước tính năm 2020 là 33,72% ⁵. Nhìn chung trong những năm gần đây, mức độ tăng trưởng của ngành xây dựng là khá tốt (bảng 2.2).

Bảng 2.2. Mức độ tăng trưởng của ngành xây dựng

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số (tỷ đồng)	4.192.862	4.502.733	5.005.975	5.542.332	6.037.348	6.293.145
Xây dựng (tỷ đồng)	228.102	252.794	287.137	323.466	358.684	389.488
Tỉ lệ đóng góp (%)	5,44	5,62	5,74	5,84	5,94	6,19
Mức độ tăng trưởng (%)		10,82	13,58	12,65	10,89	8,59

Nguồn: Tổng cục thống kê

Vấn đề lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng cũng có chiều hướng tăng hàng năm từ 25,2% năm 2016 và sơ bộ năm 2020 là 30,8% tổng số lao động cả nước ⁶.

² Tổng cục thống kê <https://www.gso.gov.vn>

³ Niên giám thống kê 2020, trang 187

⁴ Niên giám thống kê 2020, trang 17

⁵ Tổng cục thống kê, Các báo cáo phân tích và dự báo thống kê năm 2020, trang 14.

⁶ Tổng cục thống kê, Các báo cáo phân tích và dự báo thống kê năm 2020, trang 15.

Về lao động qua đào tạo, theo Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020, đến năm 2020, tỉ lệ lao động qua đào tạo nói chung của cả nước ước đạt 70% tổng lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó nhân lực ngành xây dựng tăng từ 2,9 triệu người năm 2010 lên khoảng 5 triệu năm 2015 và khoảng 8 - 9 triệu người năm 2020. Tỉ lệ nhân lực qua đào tạo tăng từ mức 41,0% năm 2010 lên khoảng 60,0% năm 2015 và khoảng 65,0% năm 2020; bao gồm, bậc đào tạo nghề chiếm khoảng 68,5% năm 2015 và khoảng 68,0% năm 2020, bậc trung cấp chuyên nghiệp chiếm khoảng 25,0% năm 2015 và khoảng 24,0% năm 2020, bậc cao đẳng chiếm khoảng 2,0% năm 2015 và khoảng 3% năm 2020, bậc đại học và trên đại học chiếm khoảng 4,5% năm 2015 và khoảng 5% năm 2020⁷.

Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của ngành xây dựng nói chung, thì vẫn còn tồn tại một số lớn các dự án xây dựng chậm tiến độ cam kết với khách hàng, chất lượng không đảm bảo, không tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Theo thống kê của Bộ Xây dựng, năm 2020 có 9.773 công trình vi phạm các quy định về trật tự xây dựng, chiếm hơn 7% tổng số công trình trong cả nước⁸.

Từ các phân tích trên cho thấy, xu hướng phát triển của ngành xây dựng tại Việt Nam là rất lớn, dẫn đến nhu cầu về nguồn nhân lực nhằm đáp ứng thị trường lao động trong ngành xây dựng sẽ tăng theo; đặc biệt là nhu cầu nhân lực có trình độ cao, có kiến thức về kỹ thuật xây dựng và quản lý chuyên ngành. Trong khi đó, xu hướng phát triển của khu vực và thế giới ngày càng đòi hỏi lực lượng kỹ sư tốt nghiệp ngành xây dựng, ngoài am hiểu kỹ thuật chuyên ngành, cũng cần phải có chuyên môn về quản trị, tài chính, chất lượng, kinh doanh, tiến độ, v.v. Do chưa được trang bị đầy đủ kiến thức quản lý dự án xây dựng, dẫn đến thực trạng các kỹ sư xây dựng sau khi tốt nghiệp lúng túng khi đối diện với các vấn đề thực tế quản lý và triển khai các dự án. Nói một cách khác, thị trường lao động hiện tại và trong thời gian tới có nhu cầu rất lớn về nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn quản lý xây dựng, và quản lý dự án.

2.2. Kết quả khảo sát và dự báo nhu cầu nhân lực

Kết quả khảo sát được thực hiện bởi Khoa KTCT từ tháng 06/2022 đến tháng 08/2022 cho thấy, trong số 34 doanh nghiệp phản hồi khảo sát thì có đến 90% doanh nghiệp được có nhu cầu tuyển dụng gấp nhân viên QLXD. Khảo sát cũng chỉ ra các tồn

⁷ Quyết định số 838/QĐ-BXD Phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực ngành xây dựng giai đoạn 2011-2020

⁸ Bộ Xây dựng, Thông cáo số 65/TC-BXD ngày 6/8/2021.

tại chính (phần kiến thức và kỹ năng làm việc) của nhân viên quản lý dự án xây dựng, thể hiện mức đánh giá từ trung bình trở xuống rất kém chiếm tỉ lệ khá cao (bảng 2.3). Cụ thể, kiến thức quan trọng trong ngành QLXD như thiết kế kết cấu, tổ chức thi công xây lắp và quản trị dự án được doanh nghiệp đánh giá chưa cao. Ngoại trừ kỹ năng sử dụng phần mềm máy tính (thế mạnh của các kỹ sư trẻ hiện nay), thì các kỹ năng mềm quan trọng khác trong hoạt động nghề nghiệp QLXD như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, tổ chức sắp xếp công việc, và kỹ năng làm việc nhóm được doanh nghiệp đánh giá chưa thực sự tốt. Vì vậy, 85,3% doanh nghiệp cho rằng phải thường xuyên đào tạo lại cho kỹ sư xây dựng làm công tác quản lý dự án.

Bảng 2.3. Đánh giá của nhà tuyển dụng đối với nhân viên QLXD

STT	Kiến thức / Thái độ / Kỹ năng hiện tại của nhân viên QLXD	Mức độ đánh giá (%)				
		Rất kém	Hơi kém	Trung bình	Khá tốt	Rất Tốt
I	Kiến thức					
1	Thiết kế kết cấu	0	5,9	52,9	38,2	2,9
2	Tổ chức thi công xây lắp	2,9	0	38,2	44,1	14,7
3	Tài chính dự án	0	14,7	32,4	47,1	5,9
4	Quản trị dự án	0	8,8	35,3	38,2	17,6
5	Dự toán chi phí xây lắp	0	8,8	32,4	50,0	8,8
II	Thái độ					
1	Sử dụng hiệu quả thời gian làm việc	0	5,9	38,2	47,1	8,8
2	Mức độ tận tụy với công việc	0	5,9	26,5	55,9	11,8
3	Đạo đức nghề nghiệp	0	0	20,6	58,8	20,6
4	Mức độ chấp nhận học hỏi, tìm hiểu thêm	0	2,9	26,5	52,9	17,6
II	Kỹ năng làm việc					
1	Kỹ năng lãnh đạo	0	17,6	55,9	17,6	8,8
2	Kỹ năng sử dụng các phần mềm máy tính	0	0	23,5	67,6	8,8
3	Kỹ năng giao tiếp	0	0	41,2	47,1	11,8
4	Kỹ năng tổ chức sắp xếp công việc	0	5,9	47,1	38,2	8,8
5	Kỹ năng làm việc nhóm	0	20,6	35,3	29,4	14,7

Ngoài ra, kết quả khảo sát chỉ ra các yêu cầu cụ thể của nhà tuyển dụng đối với kỹ sư Quản lý xây dựng bao gồm: kiến thức về kế toán, tài chính dự án (85,3%), thông thạo về pháp lý trong lĩnh vực xây dựng (100%), khả năng lập dự án và thẩm định dự án đầu tư xây dựng (88,2%), khả năng lập hồ sơ dự thầu (91%), kiến thức giám sát thi công xây dựng (91,2%) (bảng 2.4).

Bảng 2.4: Các yêu cầu cụ thể của nhà tuyển dụng đối với nhân viên QLXD

STT	Kiến thức / Thái độ / Kỹ năng kỳ vọng của nhân viên QLXD	Mức độ kỳ vọng (%)				
		Không cần thiết	Ít cần thiết	Cần thiết	Cần thiết nhiều	Rất cần thiết
I	Kiến thức					
1	Khả năng tính toán thiết kế kết cấu	2,9	32,4	52,9	8,8	2,9
2	Hiểu biết cơ bản các vấn đề kế toán, tài chính, thuế, mua bán...	5,9	8,8	55,9	23,5	5,9
3	Hiểu biết, nắm bắt các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng.	0	0	44,1	32,4	23,5
4	Khả năng lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng.	0	11,8	50	20,6	17,6
5	Khả năng lập dự toán chi phí xây lắp	2,9	2,9	47,1	26,5	20,6
6	Khả năng lập hồ sơ dự thầu	0	9,1	57,6	18,2	15,2
7	Khả năng giám sát thi công xây lắp công trình	0	8,8	41,2	23,5	26,5
II	Kỹ năng làm việc					
1	Khả năng lãnh đạo	0	2,9	58,8	20,6	17,6
2	Khả năng tổ chức sắp xếp công việc	0	2,9	38,2	35,3	23,5
3	Khả năng làm việc nhóm	0	0	32,4	26,5	41,2

So với các quốc gia khác, mặc dù ngành QLXD tại Việt Nam chỉ mới phát triển trong hai thập niên gần đây, nhưng kết quả khảo sát từ 172 đối tượng gồm học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp, và người đi làm do Khoa KTCT thực hiện từ tháng 06/2022 đến tháng

08/2022, cho thấy một nhu cầu lớn về việc trở thành các chuyên gia, kỹ sư quản lý dự án xây dựng (90,6%). Người học có nhu cầu trang bị các kiến thức về lập dự toán xây lắp công trình (71,9%), pháp luật trong lĩnh vực xây dựng (69%), quản trị tài chính – kế toán dự án (70,8%), đấu thầu (77,8%), kỹ năng giám sát kỹ thuật xây lắp (75,4%), tin học trong lĩnh vực Quản lý xây dựng (94,2%), v.v.

Ngoài ra, hơn 90% các doanh nghiệp được khảo sát cho rằng ngành Quản lý xây dựng (Construction Management) có xu hướng phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam, với sự thành lập nhiều doanh nghiệp hoạt động nghề chính là tư vấn “quản lý dự án xây dựng”. Đây là ngành trực tiếp quản lý các dự án xây dựng, hoặc thực hiện nhiệm vụ tư vấn quản lý toàn bộ dự án, tư vấn lập và đánh giá dự án đầu tư, lập hồ sơ thiết kế tổ chức thi công, tư vấn đấu thầu, quản lý thi công, nghiệm thu bàn giao và thanh quyết toán công trình.

2.3. Phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới

Trên thế giới có rất nhiều trường đại học đang đào tạo ngành Quản lý xây dựng lâu năm (bảng 2.5) như Trường Đại học Florida (Mỹ), Birmingham (Anh), Glasgow (Anh), Griffith (Úc), v.v.

Bảng 2.5: Tổng hợp các trường đào tạo ngành Quản lý xây dựng trên thế giới

STT	Trường Đại học	Quốc gia	Thời gian đào tạo	Bằng đại học
1	Deakin University	Úc	4 năm	BSc
2	Florida University	Mỹ	4 năm	BSc
3	Michigan University	Mỹ	4 năm	BSc
4	Clemson University	Mỹ	4 năm	BSc
5	University of Washington	Mỹ	4 năm	BSc
6	Birmingham City University	Anh	3 năm	BSc
7	University of Nebraska Kearney	Mỹ	4 năm	BSc
8	California State University, Fresno	Mỹ	4 năm	BSc
9	SAIT - Southern Alberta Institute of Technology	Canada	4 năm	BSc
10	Glasgow Caledonian University - The School of Computing, Engineering and Built Environment	Anh	4 năm	BSc
11	University of Johannesburg	Nam Phi	4 năm	BSc
12	Universiti Teknologi Malaysia	Malaysia	4 năm	BSc

STT	Trường Đại học	Quốc gia	Thời gian đào tạo	Bằng đại học
13	Pittsburg State University	Mỹ	4 năm	BSc
14	Middle Tennessee State University	Mỹ	4 năm	BSc
15	George Brown College	Canada	4 năm	BSc
16	Griffith University	Úc	4 năm	BSc
17	Kingston University	Anh	3 năm	BSc
18	University of Lincoln	Anh	3 năm	BSc
19	ESTP Paris - École Spéciale des Travaux Publics, du Bâtiment et de l'Industrie	Pháp	3 năm	BSc
20	Saskatchewan Polytechnic	Canada		BSc
21	Trent Global College of Technology and Management	Singapore		BSc
22	University College Lillebælt / UCL University College	Đan Mạch		BSc
23	Southwestern Illinois College	Mỹ		BSc
24	Alfred State SUNY College of Technology	Mỹ		BSc
25	Dunwoody College of Technology	Mỹ		BSc
26	Galway-Mayo Institute of Technology (GMIT)	Ireland		BSc
27	The University of Texas at San Antonio College of Architecture, Construction and Planning CACP	Mỹ		BSc
28	South West College	Anh		BSc
29	Australian Industrial Systems Institute (AIS)	Úc		BSc
30	NAIT - Northern Alberta Institute of Technology	Canada		BSc
31	VIA University College	Đan Mạch		BSc

Tại Việt Nam, hiện nay đã có một số trường đại học đào tạo ngành Quản lý xây dựng (bảng 2.6). Hằng năm lượng sinh viên tốt nghiệp khoảng trên 700 sinh viên, tuy nhiên vẫn không thể đáp ứng nhu cầu lớn của thị trường lao động về nhân lực quản lý xây

dựng, quản lý dự án. Kết quả khảo sát thị trường lao động cho thấy 100% doanh nghiệp tái khẳng định sự thiếu hụt của lực lượng lao động QLXD hiện nay.

Bảng 2.6: Tổng hợp các trường đào tạo ngành Quản lý xây dựng tại Việt Nam

STT	Trường đại học	Tỉnh, thành	Thời gian đào tạo	Bằng đại học
I	KHU VỰC MIỀN BẮC			
1	Trường Đại học Xây Dựng	Hà Nội	4 năm và 5-5,5 năm	Cử nhân (4 năm) Kỹ sư (5 năm)
2	Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội	Hà Nội	4,5 năm	Kỹ sư
3	Trường Đại học Giao thông Vận Tải và Phân hiệu	Hà Nội, TpHCM	4 năm, và 5 năm	Cử nhân (4 năm) Kỹ sư (5 năm)
4	Trường Đại học Thủy Lợi và Phân hiệu	Hà Nội, TpHCM	4,5 năm	Kỹ sư
5	Trường Đại học Mỏ- Địa chất	Hà Nội	4,5 năm	Kỹ sư
6	Trường Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải	Hà Nội	4,5 năm	Kỹ sư
7	Trường Đại Học Kinh Bắc	Bắc Ninh, Hà Nội	4 năm	
II	KHU VỰC MIỀN TRUNG			
8	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Đà Nẵng	4 năm	Kỹ sư
9	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung và phân hiệu	Phú Yên, Đà Nẵng	4 năm	
III	KHU VỰC MIỀN NAM			
10	Trường Đại học Mỏ TpHCM	TpHCM	4 năm	Cử nhân
11	Trường Đại học Kiến Trúc TpHCM	TpHCM	4 năm	Cử nhân
12	Trường Đại học Quốc tế (IU) – Đại học Quốc gia TpHCM	TpHCM	4 năm	Kỹ sư
13	Trường Đại học Giao thông Vận tải TpHCM	TpHCM	4 năm	Cử nhân
14	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TpHCM	TpHCM	4 năm	Kỹ sư
15	Trường Đại học Công nghệ TpHCM (Hutech)	TpHCM	4 năm	Kỹ sư
16	Trường Đại học Văn Lang	TpHCM	4 năm	Kỹ sư
17	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ	Cần Thơ	4 năm	Kỹ sư

Để khắc phục sự thiếu hụt nguồn lao động QLXD, các doanh nghiệp xây dựng phần lớn tuyển dụng kỹ sư ngành kỹ thuật xây dựng, kiến trúc, v.v. đảm nhiệm vai trò quản lý dự án xây dựng, do các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tìm được ứng viên phù hợp, được đào tạo đúng chuyên ngành QLXD; đặc biệt là các vị trí quản lý trung và cao cấp. Chính vì vậy, việc phát triển ngành QLXD nhằm đào tạo nhân lực chất lượng cao với chuyên môn QLXD phù hợp với xu hướng phát triển chung ngành đào tạo trong nước và thế giới.

2.4. Sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo

Việc mở ngành đào tạo QLXD của Trường Đại học Tôn Đức Thắng nhằm đào tạo những cử nhân chuyên ngành QLXD có đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện nay. Sinh viên tốt nghiệp sẽ đạt được chuẩn kiến thức, thái độ, kỹ năng làm việc theo yêu cầu của xã hội bao gồm: (1) Có nền tảng các kiến thức cơ bản vững chắc về khoa học, kỹ thuật và quản lý trong lĩnh vực xây dựng hiện đại; (2) Có khả năng vận dụng sáng tạo các kiến thức để giải quyết các vấn đề đa dạng trong hoạt động của nghề nghiệp; (3) Hiểu rõ hơn các vấn đề về môi trường, xã hội, kinh tế, an ninh và luật pháp và có đạo đức nghề nghiệp; (4) Có các kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo và quản lý, khả năng giao tiếp và làm việc chuyên môn bằng tiếng Anh; và (5) Có phẩm chất chính trị tốt, sống và làm việc tuân theo các quy định của pháp luật Nhà nước Việt Nam và thế giới. Bên cạnh đó, việc phát triển ngành QLXD hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển chung ngành đào tạo QLXD trên thế giới, phù hợp với sự phát triển đa ngành và trình độ đào tạo hiện nay của Trường Đại học Tôn Đức Thắng, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Nhà trường đã đề ra, cũng như phù hợp với chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

2.5. Khái quát chủ trương mở ngành đào tạo được Hội đồng Trường phê duyệt

Nằm trong định hướng phát triển của Khoa KTCT, tại kỳ họp ngày 16/11/2021, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa KTCT đề xuất thực hiện mở ngành đào tạo mới QLXD và giao Bộ môn Thi công và Quản lý dự án (QLDA) thực hiện. Căn cứ Thông tư 02, Bộ môn QLDA tiến hành khảo sát người học và nhu cầu thị trường từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2022, làm cơ sở xây dựng hồ sơ Đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo. Ngày 22/9/2022, Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng ban hành Quyết định số 2696/QĐ-TĐT về việc thành lập Tổ xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

QLXD. Trên cơ sở đó, Khoa KTCT đã hoàn tất việc xây dựng hồ sơ Đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo ngành QLXD tuân thủ các quy định tại Điều 7 Thông tư 02. Hồ sơ Đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo gồm các nội dung chính: (1) Sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo; (2) Năng lực của cơ sở đào tạo; (3) Mục tiêu phát triển ngành đào tạo quản lý xây dựng; (4) Giải pháp và lộ trình thực hiện; và (5) Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro. Hồ sơ đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được thẩm định theo quy định tại Quyết định số 2103/QĐ-TĐT ngày 08/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng (sau đây gọi là Quyết định 2103) về việc ban hành quy định hoạt động mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường. Hồ sơ Đề xuất chủ trương mở ngành đã được được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường (HĐKHĐT Trường) thông qua ngày 26/10/2022.

Tiếp theo, Nhà trường đã có tờ trình số 3255/TTr-TĐT ngày 08/11/2022 báo cáo trình Hội đồng trường Trường Đại học Tôn Đức Thắng về việc đề xuất chủ trương mở ngành QLXD theo quy định tại khoản 4, điều 7 Thông tư 02. Sau đó, tại kỳ họp lần thứ 12 ngày 16/11/2022, Hội đồng trường Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-HĐTĐHTĐT phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo Quản lý xây dựng, mã ngành 7580302, trình độ đào tạo đại học.

Trên cơ sở chủ trương mở ngành QLXD được phê duyệt, Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng ban hành Quyết định số 3594/QĐ-TĐT ngày 14/12/2022 về việc thành lập Tổ xây dựng Đề án mở ngành đào tạo QLXD. Tổ có nhiệm vụ tổ chức triển khai, xây dựng hồ sơ Đề án mở ngành QLXD theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Nhà trường.

III. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng

Căn cứ trên đề xuất của Tổ xây dựng Đề án mở ngành đào tạo và Phòng Đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã ban hành Quyết định số 3669/QĐ-TĐT ngày 23/12/2022 về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng (HĐXD) và Quyết định số 433/QĐ-TĐT ngày 16/02/2023 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng (HĐTĐ).

Hội đồng xây dựng CTĐT đã thực hiện xây dựng chương trình đào tạo tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư 17), và Quyết định số 2104/QĐ-TĐT ngày 08/8/2022 của

Trường Đại học Tôn Đức Thắng (sau đây gọi là Quyết định 2104) về việc xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo. Cơ cấu thành viên HĐXD bao gồm: 01 tiến sĩ ngành phù hợp, am hiểu về ngành QLXD và đang tham gia quản lý đào tạo chuyên môn ngành QLXD tại Khoa KTCT, là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; 01 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp, là giảng viên cơ hữu, chủ trì giảng dạy CTĐT và 02 thạc sĩ có chuyên môn phù hợp, là giảng viên cơ hữu, có thâm niên giảng dạy. Ngoài ra, thành viên HĐXD có sự tham gia của các chuyên gia phát triển chương trình đào tạo (đại diện của Phòng Đại học); và chuyên gia bảo đảm chất lượng giáo dục đại học (đại diện Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng) của Nhà trường. Thành viên HĐXD còn có sự tham gia đại diện giới tuyển dụng lao động (Tổng Giám đốc doanh nghiệp xây dựng – Thạc sĩ chuyên ngành QLXD) là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành QLXD, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo, để góp ý trong quá trình xây dựng CTĐT phù hợp với thực tiễn hành nghề QLXD sau khi tốt nghiệp.

Các bước thực hiện xây dựng CTĐT như sau:

Bước 1: Khảo sát, nhằm xác định nhu cầu nhân lực ngành đào tạo QLXD của thị trường lao động; lấy ý kiến của các bên liên quan (người sử dụng lao động, sinh viên tốt nghiệp, sinh viên đang theo học, v.v.) về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp;

Bước 2: Xác định mục tiêu chương trình đào tạo QLXD; xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo;

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo QLXD, xây dựng chương trình đào tạo QLXD đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra; xác định các hoạt động ngoại khóa mang tính bắt buộc, đóng góp vào chuẩn đầu ra;

Bước 4: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo QLXD với các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và thế giới để hoàn thiện chương trình đào tạo;

Bước 5: Xác định ma trận mức độ đóng góp các môn học hình thành chuẩn đầu ra;

Bước 6: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo QLXD đã xác định;

Bước 7: Tổ chức lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý Khoa KTCT và một số giảng viên đầu ngành QLXD của các trường tại TP.HCM, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về chương trình đào tạo;

Bước 8: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo QLXD trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa KTCT (HĐKHĐT Khoa) xem xét, tiến hành các thủ tục thẩm định, và được thông qua ngày 11/01/2023.

Sau đó, ngày 23/02/2023, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo đã tiến hành thẩm định chương trình đào tạo theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cơ cấu thành viên HĐĐTĐ gồm Chủ tịch (phó giáo sư), 01 Thư ký (tiến sĩ), 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau (01 phó giáo sư ngành QLXD thuộc Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM và 01 tiến sĩ ngành QLXD là Trường Khoa xây dựng - Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP.HCM) và 01 ủy viên Hội đồng là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động (chuyên ngành QLXD là Phó Tổng Giám đốc doanh nghiệp tư vấn QLXD). Toàn bộ thành viên HĐĐTĐ là các phó Giáo sư, tiến sĩ đúng ngành đối với chương trình đào tạo QLXD. Đây là các chuyên gia am hiểu về ngành đào tạo QLXD, có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Các thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo không là thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

Nội dung thẩm định CTĐT gồm: (1) Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo; (2) Mục tiêu của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra; cấu trúc chương trình đào tạo; (3) Thời lượng của chương trình đào tạo; (4) Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội đất nước; đảm bảo đúng quy định của chuẩn chương trình đào tạo, phù hợp quy chế đào tạo và các quy định khác liên quan); (5) Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo) và các vấn đề khác (nếu có). Ngày 23/02/2023, Hội đồng thẩm định thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa các nội dung góp ý của HĐĐTĐ.

Trên cơ sở ý kiến phản biện của HĐĐTĐ, ngày 17/4/2023, HĐKHĐT Khoa đã tiến hành họp, rà soát lần nữa, nhằm thống nhất các nội dung với Hội đồng thẩm định. Ngày 21/4/2023, Hội đồng xây dựng CTĐT đã tiếp thu ý kiến và hoàn thành việc điều chỉnh CTĐT theo góp ý của Hội đồng thẩm định và HĐKHĐT Khoa.

Sau khi CTĐT đã được hoàn thành theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường, ngày 28/4/2023, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường đã tiến hành

hợp xem xét thông qua CTĐT ngành Quản lý xây dựng. HĐKHĐT Trường đã biểu quyết thông qua CTĐT ngành Quản lý xây dựng. Căn cứ theo Biên bản họp thông qua CTĐT ngành QLXD của HĐKHĐT Trường, Hiệu trưởng ban hành Quyết định số 1107/QĐ-TĐT ngày 04/5/2023 về việc ban hành CTĐT ngành Quản lý xây dựng (đính kèm CTĐT).

3.2. Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng

Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế; chú trọng việc triển khai cho sinh viên tiếp cận thực hành nghề nghiệp trong thời gian đào tạo. Nội dung chương trình từ cơ bản đến chuyên sâu đều hiện đại, khoa học, bám sát nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và thị trường lao động hiện nay. Nội dung và phương pháp giảng dạy hiện đại, liên tục đổi mới nhằm khuyến khích và phát huy tính sáng tạo của người học. Sinh viên có cơ hội tham gia các hội thảo quốc tế, các buổi làm việc nhóm với sinh viên quốc tế để phát triển năng lực của mình, tích lũy kinh nghiệm thực tế và tiếp cận với môi trường tuyển dụng, nhằm giúp người học nhanh chóng thích nghi với thực tế và có thể hành nghề quản lý dự án xây dựng ngay sau khi tốt nghiệp. Thông tin chung về ngành đào tạo như sau:

Tên ngành (Name of programme):

- Tên ngành tiếng Việt: Quản lý xây dựng
- Tên ngành tiếng Anh: Construction Management

Mã ngành (Programme code): 7580302

Văn bằng (Training degree): Cử nhân

Thời gian đào tạo (Training time): 4 năm

Hình thức đào tạo (Mode of study): Chính quy

Tiêu chí tuyển sinh (Admission criteria): Thí sinh tốt nghiệp Trung học Phổ thông hoặc tương đương đủ điều kiện nhập học theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và đề án tuyển sinh của Nhà trường.

Việc quản lý đào tạo thực hiện theo quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Nhà trường.

3.2.1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Từ 3-5 năm sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng, người học đạt được các năng lực tại bảng 3.1:

Bảng 3.1: Mục tiêu đào tạo ngành Quản lý xây dựng

STT	Mô tả mục tiêu đào tạo (PEO)
1	PEO1: Thực hiện tốt các nhiệm vụ của kỹ sư quản lý dự án xây dựng thông qua việc vận dụng sáng tạo các kiến thức về khoa học tự nhiên, kinh tế, xã hội, tin học, ngoại ngữ, cơ sở ngành và chuyên ngành vào thực tiễn hành nghề quản lý xây dựng.
2	PEO2: Đảm bảo năng lực chuyên môn để tiếp tục hoàn thành các chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật như quản lý dự án, định giá, thiết kế, giám sát, đấu thầu, kiểm định công trình xây dựng.
3	PEO3: Áp dụng sáng tạo các công nghệ tiên tiến; đề xuất các nghiên cứu cải tiến và các giải pháp thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dự án xây dựng.
4	PEO4: Thể hiện khả năng lãnh đạo và quản lý dự án xây dựng hiệu quả, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế, thông qua việc vận dụng sáng tạo các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm.
5	PEO5: Thể hiện tính chuyên nghiệp cao, có đạo đức và trách nhiệm xã hội, và có khả năng tự học tập trong suốt đời.

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo Cử nhân Quản lý xây dựng của Trường Đại học Tôn Đức Thắng, người học phải đạt được chuẩn đầu ra (bảng 3.2) như sau:

Bảng 3.2: Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng

STT	Phân loại theo (nhóm) năng lực	Mô tả chuẩn đầu ra (PLO)	Thang đo
1	Kiến thức chung	PLO1: Áp dụng (Apply) một cách hệ thống kiến thức về toán học, tin học, kinh tế, xã hội, và pháp luật để phục vụ cho việc hành nghề quản lý xây dựng trong môi trường làm việc hội nhập và hiện đại.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO1 trong CTĐT.
2		PLO2: Áp dụng (Apply) một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, định hướng nghề nghiệp phục vụ cho việc nghiên cứu và hành nghề quản lý xây dựng.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO2 trong CTĐT.

STT	Phân loại theo (nhóm) năng lực	Mô tả chuẩn đầu ra (PLO)	Thang đo
3		PLO3: Sử dụng (Utilise) hiệu quả ngoại ngữ và tin học; Sử dụng (Utilise) hiệu quả các phần mềm tin học chuyên ngành.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO3 trong CTĐT. Có chứng chỉ IELTS 5.0 hoặc tương đương. Đạt chứng chỉ MOS 1, 2 đạt 750 trở lên
4	Kiến thức chuyên môn	PLO4: Áp dụng (Apply) sáng tạo các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực quản lý xây dựng.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO4 Đạt kỳ thi kỹ năng thực hành chuyên môn.
5		PLO5: Áp dụng (Apply) sáng tạo kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong công tác lập và thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật thi công và đấu thầu công trình xây dựng.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO5 Đạt kỳ thi kỹ năng thực hành chuyên môn.
6		PLO6: Áp dụng (Apply) sáng tạo kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong quá trình giám sát và quản lý thi công công trình xây dựng.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO6 Đạt kỳ thi kỹ năng thực hành chuyên môn.
7	Kỹ năng chuyên môn	PLO7: Áp dụng (Apply) sáng tạo kiến thức chuyên ngành, các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật hiện hành để quản lý hiệu quả hợp đồng, và chi phí dự án xây dựng.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO7 Đạt kỳ thi kỹ năng thực hành chuyên môn.
8		PLO8: Áp dụng (Apply) sáng tạo kiến thức chuyên môn; nắm vững các quy định pháp lý, yêu cầu chuyên môn để cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý các dự án xây dựng.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO8 Đạt kỳ thi kỹ năng thực hành chuyên môn.
9	Kỹ năng chung	PLO9: Xác định (Identify) vấn đề nghiên cứu; thu thập và phân tích dữ liệu; trình bày các kết quả nghiên cứu.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO9
10	Thái độ và ý thức xã hội	PLO10: Thể hiện (Demonstrate) tinh thần trung thực, trách nhiệm, tuân thủ các nguyên tắc an toàn, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần học tập suốt đời.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO10 Đạt điểm rèn luyện theo Quy chế công tác học sinh sinh viên.

3.2.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc chương trình đào tạo gồm 2 khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bảng 3.3). Cụ thể, trong đó 37 tín chỉ bắt buộc của khối kiến thức giáo dục đại cương bao gồm các kiến thức về lý luận chính trị (11 tín chỉ), khoa học xã hội (2 tín chỉ), khoa học tự nhiên (6 tín chỉ), ngoại ngữ (10 tín chỉ), kỹ năng hỗ trợ (4 tín chỉ), và tin học (4 tín chỉ). Khối kiến thức này do các Khoa liên quan được Nhà trường phân công chuyên trách giảng dạy các khối kiến thức giáo dục đại cương cho toàn bộ các ngành đào tạo tại Trường. Riêng Khoa KTCT tập trung giảng dạy 102 tín chỉ của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các kiến thức cơ sở ngành (32 tín chỉ), kiến thức chuyên ngành (57 tín chỉ), và kiến thức thực tập và tốt nghiệp (13 tín chỉ).

Bảng 3.3: Cấu trúc Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng

Nội dung	Số tín chỉ		
	Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	37	37	0
Lý luận chính trị	11	11	0
Khoa học xã hội	2	2	0
Khoa học tự nhiên	6	6	0
Ngoại ngữ	10	10	0
Kỹ năng hỗ trợ	4	4	0
Tin học	4	4	0
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	102	94	8
Kiến thức cơ sở ngành	32	32	0
Kiến thức chuyên ngành	57	49	8
Kiến thức thực tập và tốt nghiệp (tương đương) cử nhân	13	13	0
Tổng cộng cấp bằng cử nhân (bậc 6)	139	131	8

Chương trình Cử nhân Quản lý xây dựng được thiết kế trong 4 năm học, chia thành 8 học kỳ. Từ học kỳ 3, sinh viên bắt đầu vào học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành với thời lượng thực hành thực tế chiếm hơn 30% tổng thời lượng đào tạo trong chương trình học. Ở học kỳ 8 sinh viên phải thực hiện các học phần tốt nghiệp gồm Đồ án Tốt

nghiệp, Tập sự nghề nghiệp và thi Kỹ năng thực hành chuyên môn. Để được làm Đồ án tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy 100 tín chỉ, đạt Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0, hoàn thành tất cả các đồ án môn học, Tập sự nghề nghiệp và Kỹ năng thực hành chuyên môn.

3.2.3. Điểm nổi trội của chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế; chú trọng việc triển khai cho sinh viên tiếp cận thực hành nghề nghiệp trong thời gian đào tạo nhằm giúp người học nhanh chóng thích nghi với thực tế và có thể hành nghề quản lý dự án xây dựng ngay sau khi tốt nghiệp.

- Nội dung chương trình từ cơ bản đến chuyên sâu đều hiện đại, khoa học, bám sát nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và thị trường lao động hiện nay. Nội dung và phương pháp giảng dạy hiện đại, liên tục đổi mới nhằm khuyến khích và phát huy tính sáng tạo của người học.

- Sinh viên có cơ hội tham gia các hội thảo quốc tế, các buổi làm việc nhóm với sinh viên quốc tế để phát triển năng lực của mình, tích lũy kinh nghiệm thực tế và tiếp cận với môi trường tuyển dụng.

- Tối thiểu 10% môn học chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh.

- Chương trình đào tạo có tính liên thông với các chương trình Sau Đại học của Khoa.

3.2.4. Kiểm định chương trình đào tạo

Việc kiểm định chương trình đào tạo sẽ được thực hiện sau 05 năm kể từ năm đầu thực hiện tuyển sinh 2023. Quá trình rà soát, đánh giá sẽ được thực hiện thường xuyên 05 năm một lần. Ngành QLXD sẽ áp dụng hệ thống kiểm định chương trình đào tạo quốc tế như AUN-QA, ASIIN. Với kinh nghiệm kiểm định thành công toàn bộ các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế tại Khoa KTCT trong thời gian qua, việc kiểm định CTĐT ngành QLXD (dự kiến 2027-2028) sẽ thuận lợi, nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo của ngành QLXD đáp ứng theo chuẩn quốc tế, và phù hợp với chủ trương hội nhập quốc tế toàn diện của Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

4.1.1. Đội ngũ giảng viên Khoa KTCT

Được thành lập năm 1997 (cùng với thời điểm thành lập Trường Đại học Tôn Đức Thắng), Khoa KTCT liên tục phát triển và hiện có 6 bộ môn và 1 Trung tâm nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo 4 ngành chủ lực của khoa. Tổng số giảng viên cơ hữu tại Khoa là 44

giảng viên, trong đó 3 Phó Giáo sư, 19 tiến sĩ, và 22 thạc sĩ. Đây là lực lượng khá mạnh so với mặt bằng chung của các khoa xây dựng ở các trường đại học tại Việt Nam hiện nay. Sắp tới, theo Đề án vị trí việc làm (kế hoạch đến năm 2026) đã được Nhà trường phê duyệt, Khoa KTCT đã quy hoạch tăng thêm 4 bộ môn và tuyển dụng thêm 15 giảng viên (riêng ngành QLXD dự kiến tuyển thêm từ 5 đến 8 giảng viên cơ hữu), tốt nghiệp từ các trường quốc tế về giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng yêu cầu mở ngành đào tạo mới theo quy định của Bộ, trong đó có ngành QLXD.

4.1.2. Điều kiện giảng viên ngành QLXD

Với đội ngũ giảng viên hiện có, Khoa KTCT đã đáp ứng đầy đủ điều kiện mở ngành quy định điều 4 Thông tư 02 (mẫu 1 - phụ lục đính kèm). Cụ thể, Khoa đảm bảo có 1 tiến sĩ ngành phù hợp (QLXD) là giảng viên cơ hữu, có kinh nghiệm giảng dạy đại học trên 3 năm, chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, Khoa cũng đảm bảo quy định có ít nhất 5 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy các thành phần của chương trình đào tạo.

Khoa KTCT có đủ đội ngũ giảng viên, đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT ngành QLXD bao gồm 48 giảng viên toàn thời gian và 01 giảng viên thỉnh giảng (mẫu 1 - phụ lục đính kèm). Ngoài ra, Khoa đã có kế hoạch ký hơn 10 hợp đồng thỉnh giảng đội ngũ giảng viên chuyên ngành QLXD đến từ các trường đại học khác. Giảng viên thỉnh giảng (tính theo mỗi năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong CTĐT. Mỗi học phần của CTĐT có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm (mẫu 2- phụ lục đính kèm).

Lực lượng giảng viên cơ hữu hiện nay có bằng cấp đúng chuyên ngành hoặc gần với chuyên ngành QLXD của Khoa gồm có 30 giảng viên, trong đó có 03 Phó Giáo sư, 15 tiến sĩ và 12 thạc sĩ. Riêng đối với yêu cầu giảng viên cơ hữu có chuyên ngành phù hợp, khoa hiện có 02 tiến sĩ và 1 thạc sĩ ngành QLXD. Toàn bộ đội ngũ giảng viên ngành gần này có thể tham gia giảng dạy đầy đủ các môn cơ sở và các môn cơ sở ngành và một số môn chuyên ngành của ngành đào tạo QLXD.

Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng thân hữu đến từ các trường đại học có uy tín tại TP.HCM (Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM, Trường Đại học Mở TP.HCM, Trường Đại học quốc tế-Đại học Quốc gia TP.HCM, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP.HCM, v.v.) giúp Khoa luôn đảm bảo lực lượng giảng viên đầy đủ, chất lượng để đảm nhiệm toàn bộ công tác giảng dạy các môn học của chương trình đào tạo mới.

Như vậy, với đội ngũ giảng viên hiện có, Khoa KTCT đã đảm bảo giảng dạy đầy đủ các học phần đào tạo trong toàn bộ chương trình đào tạo QLXD theo quy định. Với dự kiến tuyển sinh năm đầu tiên với chỉ tiêu khoảng 60 chỉ tiêu, Khoa đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên đạt tỉ lệ 20 sinh viên/giảng viên quy đổi.

4.2. Kế hoạch và lộ trình phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và quy mô tuyển sinh, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm (đến năm 2026), trong đó Khoa KTCT có kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên cho phù hợp định hướng phát triển của Khoa và Nhà trường. Bên cạnh các tiến sĩ tốt nghiệp trong nước, Nhà trường ưu tiên tuyển dụng các giảng viên là các tiến sĩ chuyên ngành QLXD được đào tạo ở nước ngoài, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, phù hợp với định hướng hội nhập quốc tế của Trường.

Ngoài ra, Khoa KTCT sẽ tạo điều kiện các giảng viên cơ hữu chuyên ngành QLXD trình độ thạc sĩ, học tiếp nghiên cứu sinh, để tạo nguồn giảng viên tại chỗ, nhằm đáp ứng yêu cầu của một giảng viên tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng nói chung và Khoa KTCT nói riêng.

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

5.1. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

a. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư 02, Nhà trường đã có đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và giáo trình, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo (mẫu 6,7, và 8 – phụ lục đính kèm).

b. Nhà trường có đầy đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo QLXD, phù hợp với quy mô đào tạo trình độ đại học. Cụ thể Nhà trường hiện có tổng cộng 15 phòng học lớn trên 200 chỗ, 79 phòng học từ 100 - 200 chỗ, 169 phòng học từ 50 - 100 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện. Số lượng phòng học đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất để giảng dạy toàn bộ các môn học lý thuyết (kế hoạch sử dụng phòng học từng học phần theo từng năm học thể hiện mẫu 6 – phụ lục đính kèm).

Nhà trường đảm bảo đầy đủ phòng máy tính thực hành để giảng dạy các môn tin học trong QLXD, vẽ kỹ thuật xây dựng, v.v. trong toàn bộ chương trình đào tạo (mẫu 08-phụ lục đính kèm). Ngoài ra, phòng thí nghiệm thuộc Khoa KTCT đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất (mẫu 8 – phụ lục đính kèm), để sinh viên có thể học và thực hành các môn thí nghiệm

vật liệu xây dựng A (năm thứ 2 của CTĐT). Hiện Khoa KTCT trang bị đầy đủ các máy móc, thiết bị (máy toàn đạc điện tử, máy kinh vĩ, máy thủy chuẩn) hỗ trợ sinh viên thực tập môn học Trắc địa công trình (năm thứ 2 của CTĐT).

Nhà trường đã có hệ thống công nghệ thông tin triển khai đồng bộ trong toàn trường, trong đó hệ thống quản lý hỗ trợ học tập (LMS) và hệ thống quản lý đào tạo đảm bảo việc triển khai CTĐT và tổ chức hoạt động đào tạo trong toàn trường. Ngoài ra, Nhà trường có đầy đủ cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để có thể giảng dạy trực tuyến. Trong đại dịch Covid-19 vừa qua, Nhà trường đã triển khai giảng dạy trực tuyến thành công và đảm bảo hiệu quả chất lượng giảng dạy trực tuyến. Việc giảng dạy trực tuyến được thực hiện hệ thống E-learning (hỗ trợ quản lý dạy và học). Vì vậy, với cơ sở vật chất hiện có, có thể khẳng định Nhà trường đảm bảo việc học tập trực tuyến ngành QLXD hiệu quả.

c. Trường đã kết nối, hợp tác hơn 1000 tổ chức/doanh nghiệp (trong đó đã ký kết hợp tác toàn diện với 584 tổ chức/doanh nghiệp trong và ngoài nước); và Khoa KTCT đã triển khai hợp tác trên 100 doanh nghiệp (trong đó ký kết MOU với 23 Doanh nghiệp xây dựng thân hữu). Tất cả các doanh nghiệp mà Trường và Khoa đã có các hợp tác thỏa thuận sẽ đảm bảo các cơ sở thực tập, thực hành thực tế cho CTĐT ngành QLXD.

d. Như đã giới thiệu phần sơ lược về cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo tại phần 1, Nhà trường có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học (mẫu 7 – phụ lục đính kèm); có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành QLXD trình độ đào tạo đại học, phù hợp với quy mô đào tạo. Ngoài ra, Thư viện trường có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của toàn bộ giảng viên và sinh viên ngành QLXD (*xem mục 1.1.5 Cơ sở vật chất và học liệu*).

e. Nhà trường có trang thông tin điện tử (<https://www.tdtu.edu.vn/>) đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Ngoài ra, các nội dung liên quan ngành QLXD cũng được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Khoa KTCT (<https://civil.tdtu.edu.vn/>).

Từ phân tích trên, cơ sở vật chất của Nhà trường hiện đã đáp ứng đủ điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo mới theo quy định tại điều 3 và 4 Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Kế hoạch và lộ trình phát triển cơ sở vật chất

Về cơ sở vật chất như phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, v.v. của Trường nói chung và Khoa KTCT nói riêng hiện nay đã đủ năng lực cơ sở vật chất để triển khai đào tạo ngành Quản lý xây dựng. Do đó, hoàn toàn có thể sử dụng cơ sở vật chất hiện có của Trường và Khoa KTCT mà hiện tại không có nhu cầu đầu tư thêm.

Tuy nhiên, để đảm bảo nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, hằng năm Khoa KTCT luôn tiến hành tập hợp ý kiến các bên liên quan để cập nhật các học liệu mới, bổ sung các phần mềm hỗ trợ thực hành, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Cụ thể, ngành QLXD dự kiến có yêu cầu về nâng cấp các phần mềm tin học chuyên ngành như: vẽ kỹ thuật (Autocad), dự toán (G8, Dự toán Pro, v.v.), quản lý tiến độ (MS Project, Primavera), nền tảng công nghệ BIM (Revit, Tekla, Archicad, BIM360, v.v.). Hiện phòng máy tính nhà trường đã trang bị đầy đủ phần mềm hỗ trợ giảng dạy vẽ kỹ thuật (Autocad), dự toán (G8), quản lý tiến độ (MS Project) và BIM (Revit). Dự kiến trong năm 2023, Nhà trường chỉ cần đầu tư nâng cấp phần mềm hỗ trợ giảng dạy dự toán công trình (G8, hoặc Dự toán Pro, v.v.), và nền tảng công nghệ BIM (Revit, hoặc BIM360) là đảm bảo đầy đủ phần mềm hỗ trợ thực hành cho chương trình đào tạo mới QLXD. Khoa KTCT sẽ lập các kế hoạch phát triển phần mềm, học liệu sẽ trình Nhà trường phê duyệt và đầu tư theo kế hoạch năm học.

VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

6.1. Tổ chức bộ máy quản lý

Khoa KTCT được Nhà trường giao xây dựng và quản lý chuyên môn ngành QLXD. Được thành lập 2018, Bộ môn Thi công và Quản lý dự án thuộc Khoa KTCT được giao chuyên trách quản lý về mặt chuyên môn QLXD và tổ chức thực hiện CTĐT.

Hiện nay, tổ chức bộ máy quản lý cấp Khoa KTCT và Bộ môn QLDA đảm bảo theo quy định gồm 5 thành viên chính gồm Trưởng khoa, Trưởng ngành QLXD, Trợ lý quản lý CTĐT, công tác giáo vụ và công tác sinh viên (mẫu 3 - phụ lục đính kèm).

6.2. Phân công nhiệm vụ và kế hoạch phát triển bộ máy quản lý

Nhà trường phân công nhiệm vụ bộ máy quản lý ngành đào tạo QLXD ở Khoa KTCT theo mẫu 3 - phụ lục đính kèm. Từ năm học thứ 2, Bộ môn QLDA sẽ đề xuất Nhà trường tuyển dụng thêm ít nhất 2 giảng viên cơ hữu là tiến sĩ ngành phù hợp để hỗ trợ quản lý chương trình đào tạo và 1 thạc sĩ ngành phù hợp hỗ trợ quản lý công tác giáo vụ và công tác sinh viên của ngành QLXD.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Dự báo tình huống rủi ro

Theo dự báo kinh tế xã hội hiện nay, bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn, lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao. Vì vậy, kinh tế xã hội ở Việt Nam cũng không tránh khỏi các ảnh hưởng của xu hướng chung của thế giới. Đặc biệt trong tình hình kinh tế khó khăn, thị trường bất động sản và các lĩnh vực kinh doanh, hoạt động liên quan đến lĩnh vực xây dựng, kiến trúc cũng bị ảnh hưởng ít nhiều, đặc biệt nhu cầu nguồn nhân lực. Trong bối cảnh này, các tình huống rủi ro có thể gặp phải khi mở ngành đào tạo mới gồm cạnh tranh trong tuyển sinh, nguồn tuyển sinh ít, khó khăn tuyển dụng thêm giảng viên đúng chuyên ngành QLXD, chất lượng đào tạo chưa đảm bảo, sinh viên tốt nghiệp không có việc làm, sinh viên nghỉ học giữa chừng và đình chỉ hoạt động đào tạo.

Trường Đại học Tôn Đức Thắng có thể mạnh là một trong các trường đại học trẻ, uy tín và có môi trường học tập chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, ngành QLXD là ngành mới mở tại Trường, do đó người học có thể chưa có thông tin và chưa biết rõ ngành QLXD mới tuyển tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Điều này có khả năng dẫn đến sự cạnh tranh với các trường đại học uy tín tại TP.HCM đã đào tạo ngành QLXD nhiều năm qua, cũng như cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào mạng giáo dục (AIT Thái Lan, RMIT-Úc, v.v.). Với tiềm lực tài chính mạnh và kinh nghiệm quản trị quốc tế, các cơ sở giáo dục nước ngoài tạo áp lực cạnh tranh rất lớn đến đại học công lập. Ngoài ra, nhiều đại học dân lập trong nước (Hoa Sen, Gia Định, Hồng Bàng, Hutech, v.v.), đẩy mạnh đầu tư vào giáo dục, phát triển ngành mới theo nhu cầu thị trường, trong đó có ngành QLXD. Các trường dân lập có chính sách quảng bá tuyển sinh tốt, vì vậy luôn thu hút số lượng tuyển sinh lớn, gây rủi ro cao trong công tác tuyển sinh ngành đào tạo mới QLXD tại Trường.

Hiện nay đội ngũ giảng viên chuyên ngành QLXD khan hiếm. Tiến sĩ chuyên ngành QLXD chủ yếu tốt nghiệp từ nước ngoài, tuy nhiên số lượng trở về nước làm công tác giảng dạy không nhiều. Trong khi đó, có rất ít tiến sĩ tốt nghiệp trong nước, do không có nhiều cơ sở đào tạo trong nước đào tạo bậc tiến sĩ QLXD (Trường Đại học Xây Dựng Hà Nội và Trường Đại học Bách Khoa Tp.HCM) và số lượng nghiên cứu sinh QLXD tuyển sinh hằng năm khá khó khăn. Vì vậy các trường cạnh tranh gay gắt với nhau để tuyển dụng đội ngũ giảng viên, do đó rủi ro cao khi đảm bảo duy trì tiêu chí đội ngũ giảng viên cơ

hữu đúng chuyên ngành QLXD để duy trì ngành đào tạo vừa mở. Ngoài ra, do khan hiếm nguồn giảng viên có chất lượng cao, nên việc phát triển quy mô đào tạo về sau gặp nhiều khó khăn.

Chất lượng đào tạo giữa các cơ sở đào tạo (công lập, dân lập, nước ngoài) rất khác nhau. Thực tế, phụ huynh cũng như học sinh khó đánh giá sự khác biệt về chất lượng đào tạo giữa các cơ sở đào tạo. Kết quả khảo sát chỉ ra thực tế nhiều doanh nghiệp than phiền việc phải đào tạo lại sinh viên sau tốt nghiệp cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực xây dựng 26 năm tại Khoa KTCT cho thấy, nhiều học sinh không hiểu rõ ngành học khi chọn trường. Vì vậy, sau khi trúng tuyển đại học, những sinh viên này phát sinh nhiều vướng mắc, và chưa hiểu rõ về ngành học, dẫn đến rủi ro sinh viên bỏ ngang quá trình học tập tại Trường. Mặt khác, tiếng Anh là rào cản lớn trong quá trình học tập của sinh viên, đặc biệt khối ngành kỹ thuật. Người học thường không đạt chuẩn tiếng Anh đầu ra của Trường theo kế hoạch ban đầu, dẫn đến khó đảm bảo tốt nghiệp đúng hạn, thậm chí một số sinh viên buộc thôi học do đã quá hạn đào tạo.

Rủi ro cơ sở đào tạo buộc phải đình chỉ hoạt động đào tạo ngành mới mở bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư 02 trong trường hợp không đảm bảo điều kiện duy trì ngành đào tạo. Trong quá trình đình chỉ và khắc phục, hoạt động đào tạo gặp nhiều khó khăn và gây xáo trộn công tác giảng dạy và học tập của sinh viên.

7.2. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

7.2.1. Giải pháp chung

Hàng năm Khoa KTCT thường xuyên tiến hành các hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan, nhằm đánh giá và hiệu chỉnh chương trình đào tạo; rà soát mục tiêu và chỉ tiêu tuyển sinh để phù hợp với nhu cầu của xã hội; qua đó giảm thiểu các rủi ro trong quá trình thực hiện, đồng thời chủ động đề xuất các giải pháp ứng phó rủi ro kịp thời.

7.2.2. Giải pháp cụ thể phòng ngừa và xử lý rủi ro

Để giảm thiểu rủi ro do tuyển sinh không đạt kế hoạch đề ra, Khoa KTCT phối hợp với Ban truyền thông Nhà trường sẽ đẩy mạnh công tác truyền thông trước tuyển sinh (từ tháng 02 đến tháng 7 hằng năm) trên nhiều kênh truyền thông khác nhau như truyền hình, báo chí, website, mạng xã hội, v.v. Ngoài ra, Trường đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh trực tiếp (đến tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường trung học phổ thông, tạo điều kiện tối đa cho học sinh đến tham quan và trải nghiệm Trường), hay trực tuyến (mạng xã hội, hotline, web, v.v.). Công tác tuyển sinh cần đẩy mạnh trong 5 năm đầu tuyển sinh và thực

hiện chương trình đào tạo QLXD, để người học và phụ huynh học sinh nhận biết có ngành đào tạo mới mở QLXD tại Trường. Điểm nổi bật là thương hiệu Tôn Đức Thắng ngày càng khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam về chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc tế, vì vậy công tác tuyển sinh dự kiến sẽ không gặp nhiều khó khăn khi đề xuất mở ngành đào tạo QLXD.

Để đảm bảo duy trì đội ngũ giảng viên cơ hữu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường sẽ tăng cường tuyển dụng các tiến sĩ chuyên ngành QLXD tốt nghiệp từ nước ngoài, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và khả năng nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, trong những năm đầu thực hiện chương trình đào tạo, Trường có thể tuyển dụng số lượng ít thạc sĩ chuyên ngành QLXD và có nhiều kinh nghiệm quản lý thực tiễn các dự án xây dựng, sau đó gửi đi đào tạo nghiên cứu sinh ở nước ngoài tại các trường đại học đối tác thân hữu trên thế giới như cộng hòa Séc, Đài Loan, Hàn Quốc v.v. Bên cạnh đó, sau khóa đào tạo đầu tiên, Trường sẽ chọn những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, giữ lại Trường làm công tác trợ giảng, tạo điều kiện học tiếp lên thạc sĩ, tiến sĩ, nhằm tạo nguồn giảng viên cơ hữu cho ngành đào tạo mới QLXD.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Khoa KTCT sẽ thực hiện kiểm định chương trình đào tạo ngành mới QLXD bởi các tổ chức kiểm định quốc tế uy tín như ASIIN, AUN-QA, v.v. Đây là nhiệm vụ bắt buộc để nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời là điều kiện để mở ngành thạc sĩ QLXD về sau theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, Khoa KTCT sẽ lấy ý kiến doanh nghiệp ngành xây dựng định kỳ hằng năm, nhằm điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động, qua đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, nhằm thu hút người học.

Để giảm thiểu nguy cơ sinh viên QLXD ngừng học tập giữa chừng, công tác giáo viên chủ nhiệm (GVCN) hàng tháng cần chú trọng để hỗ trợ, tư vấn sinh viên kịp thời khi gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập. Ngoài ra, Khoa KTCT luôn duy trì tổ chức gặp mặt sinh viên 2 lần/học kỳ để lắng nghe tâm tư và nguyện vọng của sinh viên, qua đó có giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ người học kịp thời. Bên cạnh đó, Khoa sẽ đẩy mạnh kết nối, hợp tác doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên thực tập, kiến tập nhằm tích lũy kinh nghiệm thực tiễn; đồng thời tăng cơ hội sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, qua đó tạo động lực học tập cho người học, giảm tình trạng sinh viên bỏ học giữa chừng.

Để giảm thiểu tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp trễ hạn do không đảm bảo điều kiện tiếng Anh đầu ra, Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Trung tâm ngôn ngữ sáng tạo (CLC) của

Trường đề thường xuyên tư vấn và hướng dẫn cho sinh viên về yêu cầu thiết phải học tiếng Anh trong tất cả các buổi họp với sinh viên (họp GVCN hàng tháng và gặp mặt sinh viên 2 lần/học kỳ), đặc biệt là sinh viên năm nhất. Ngoài ra, Khoa khuyến khích tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động học thuật kết hợp giữa chuyên môn và tiếng Anh để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành QLXD.

Việc mở ngành đào mới tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để phòng ngừa rủi ro cơ sở đào tạo buộc phải đình chỉ hoạt động đào tạo ngành mới mở bởi cơ quan có thẩm quyền, Nhà Trường thường xuyên rà soát, cập nhật các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện đúng. Trong quá trình thực hiện, nếu có sai sót, thì Trường sẽ nhanh chóng khắc phục để đảm bảo quyền lợi của người học và Trường, qua đó duy trì chương trình đào tạo, phục vụ nhu cầu của xã hội. Trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động đào tạo không thời hạn, Nhà trường luôn có giải pháp đảm bảo quyền lợi người học như tạo điều kiện chuyển sang học ngành gần như kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật xây dựng công trình giao thông thuộc Khoa KTCT. Giảng viên ngành QLXD sẽ chuyển sang giảng dạy các môn học chuyên ngành xây dựng như Kỹ thuật và tổ chức thi công, Dự toán công trình, Quản lý dự án v.v.

VIII. CAM KẾT

Đề án mở ngành QLXD thực hiện đầy đủ theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường cam kết triển khai và thực hiện tổ chức đào tạo chương trình đào tạo theo đúng Đề án mở ngành Quản lý xây dựng được phê duyệt. *Trần Trọng Đạo*

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Tổng Liên đoàn LĐVN (để b/c);
- Lưu: P.ĐH, P.TCHC.



TS. Trần Trọng Đạo

